

Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI
VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

GIÁO SĨ:

Xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

ĐỂ CÙNG LÀM VINH DANH THIÊN CHÚA

www.conggiaovietnam.net

giasivietnam@gmail.com

Đặc San Điện Tử **Giáo Sĩ Việt Nam** Số 176, Chúa Nhật 29.07.2012

MỤC LỤC

Cổ Võ Việc Huấn Luyện Mục Vụ
Vatican 2

HIỆP NHẤT TRONG MỘT CHÉN - MỘT BÁNH Lm. Anmai,
C.Ss.R.

LỜI CHÚA VÀ LINH HỨNG TRONG KINH THÁNH
Chuyển ngữ: Thérèse Trần Thiết & Fr. Marie Bảo Tịnh O.Cist

QUY TỰ ĐOÀN CHIÊN Lm. VĨNH SANG,
DCCT

NHỮNG ĐỨC TÍNH CỦA TRƯỞNG LÃNH ĐẠO GIA ĐÌNH Lm. Đan
Vinh

Con ngựa Br.
Huynhquảng

Karl Marx phê-bình tôn-giáo (tiếp theo) Gs. Trần Văn
Toàn

NHÂN QUYỀN TRONG HUẤN DỤ XÃ HỘI CỦA GIÁO HỘI. Tiến sĩ Nguyễn Học
Tập

Phép lạ? Lm. Minh Anh chuyển
ngữ

Linh mục giáo phận hằng say truyền giáo Lm. Micae-Phaolô Trần Minh
Huy, pss.

VAI TRÒ CỦA DINH DƯỠNG Bác Sĩ Nguyễn
Ý-Đức, MD.

CHÚA YÊSU, NHÀ TRUYỀN THÔNG VĨ ĐẠI NHẤT Gioan Lê Quang Vinh,
VRNs

Cổ Võ Việc Huấn Luyện Mục Vụ

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

Sắc Lệnh Về Đào Tạo Linh Mục

Optatam Totius

(tiếp theo)

VI. Cổ Võ Việc Huấn Luyện Mục Vụ [73*](#)

19. Tập đôi thoại. Mỗi quan tâm về mục vụ phải chi phối tất cả việc đào tạo chủng sinh [41](#), nên cũng đòi hỏi các chủng sinh phải được cẩn thận giáo huấn về những gì đặc biệt liên quan đến chức vụ Thánh, nhất là việc dạy giáo lý và giảng thuyết [74*](#), việc phụng tự [75*](#) và ban phát các bí tích, về các công cuộc bác ái [76*](#), nghĩa vụ tìm đến với các chiên lạc và những người vô tín ngưỡng, cùng những công tác mục vụ khác. Phải chăm lo dạy họ nghệ thuật điều dắt các linh hồn [77*](#), nhờ vậy họ có thể đào tạo mọi con cái của Giáo Hội, trước hết biết hoàn toàn ý thức sống đời Kitô hữu và có tinh thần tông đồ, thứ đến biết chu toàn bổn phận của bậc sống mình. Chủng sinh cũng phải lưu tâm học cho biết cách giúp đỡ các tu sĩ nam nữ [78*](#) bền đỗ trong ơn gọi riêng và tiên đức theo tinh thần của Hội Dòng [42](#).

Cách chung, phải làm phát triển nơi các Chủng sinh những khả năng thích hợp rất cần thiết để đối thoại [79*](#) được với mọi người, thí dụ: biết lắng nghe người khác, biết lưu tâm đến những hoàn cảnh khác nhau của thân phận con người trong tinh thần bác ái [43](#).

20. Tập hoạt động tông đồ. Cũng phải dạy họ biết sử dụng những phương thế mà các khoa sư phạm, tâm lý cũng như xã hội [44](#) có thể cung cấp cho [80*](#), theo những phương pháp đúng đắn và các tiêu chuẩn do Giáo Quyền ấn định. Phải lo giáo huấn họ biết khích lệ và nâng đỡ hoạt động tông đồ giáo dân [81*](#), [45](#) cũng như biết khởi xướng nhiều hình thức hoạt động tông đồ khác nhau cho hữu hiệu hơn. Họ phải được thấm nhuần tinh thần Công Giáo đích thực, để biết quen vượt khỏi những ranh giới địa phận, quốc gia hoặc lễ chế riêng hầu hỗ trợ các nhu cầu của toàn thể Giáo Hội [82*](#) và sẵn sàng đi rao giảng Phúc Âm ở bất cứ nơi nào [46](#).

21. Tập hoạt động ngoài chủng viện. Vì các chủng sinh phải học nghệ thuật hoạt động tông đồ [83*](#) không những trên lý thuyết nhưng trên thực hành nữa, và còn phải có khả năng thi hành công tác với tinh thần trách nhiệm cá nhân hay tập đoàn, nên trong kỳ học cũng như kỳ nghỉ, phải cho họ tập sự mục vụ bằng những công tác thực tập thích đáng. Phải tùy theo tuổi của chủng sinh, tùy theo hoàn cảnh địa phương và sự xét đoán khôn ngoan của các Giám Mục mà thực hiện các hoạt động ấy cho có phương pháp với sự hướng dẫn của những vị giàu kinh nghiệm mục vụ, đồng thời cũng đừng quên sức hiệu nghiệm của những phương thế hỗ trợ siêu nhiên [47](#).

VII. Bổ Túc Việc Huấn Luyện Sau Khi Mãn Trường

22. Phải được tiếp tục bồi dưỡng về lý thuyết và thực hành. Nhất là vì hoàn cảnh xã hội tân tiến nên việc huấn luyện Linh Mục phải được tiếp tục và kiên toàn, cả sau khi kết thúc chu trình học vấn [84*](#) trong chủng viện [48](#), do đó các Hội Đồng Giám Mục [85*](#) phải liệu tìm trong mỗi quốc gia những phương thế thích hợp, thí dụ như thiết lập những Học Viện Mục Vụ hợp tác với những họ đạo đã tùy nghi chọn lựa, tổ chức những cuộc hội thảo định kỳ, những khóa thực tập chuyên biệt [86*](#), nhờ đó lớp Giáo Sĩ còn non trẻ về phương diện tu đức, trí thức và mục vụ được dần dần đưa dẫn vào đời sống Linh Mục và hoạt động tông đồ, và họ có thể càng ngày càng cải tiến và phát triển [87*](#) các hoạt động ấy hơn nữa.

Kết Luận [88*](#)

Tiếp tục công trình do Công Đồng triển khởi xướng, và trong khi tin tưởng trao phó cho các vị Giám Đốc và Giáo Sư Chủng Viện nhiệm vụ đào tạo các Linh Mục tương lai của Chúa Kitô trong tinh thần canh tân do Thánh Công Đồng này cổ võ, toàn thể Nghị Phụ của Thánh Công Đồng này tha thiết khuyến dụ những người đang dọn mình nhận lãnh chức Linh Mục hãy cảm thức niềm kỳ vọng của Giáo Hội và phần rỗi các linh hồn đã được trao phó cho họ, để một khi hân hoan đón nhận những tiêu chuẩn ghi trong Sắc Lệnh này, họ sẽ thu lượm được nhiều kết

quả mỹ mãn và trường tồn.

Tất cả và từng điều đã được ban bố trong Sắc Lệnh này đều được các Nghị Phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và dùng quyền Tông Đồ Chúa Kitô trao ban, hiệp cùng các Nghị Phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, chế định và quyết nghị, và những gì đã được Thánh Công Đồng quyết nghị, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.

Roma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 28 tháng 10 năm 1965.

Tôi, Phaolô Giám Mục Giáo Hội Công Giáo.

Tiếp theo là chữ ký của các Nghị Phụ.

Chú Thích:

73* Lược đồ tiên khởi do Đức Cha Carraro soạn đã được nghiên cứu lâu dài và được sửa đổi. Sau khi đề cập tới việc đào tạo về các nhiệm vụ khác nhau, lược đồ đã nhấn mạnh tới việc đào tạo tinh thần đối thoại, hợp lực với giáo dân trong các hoạt động thực tế nhằm việc tông đồ. Một ghi chú dài của LTCB (196) nhấn mạnh đến việc đào tạo tinh thần mục vụ này nơi các linh mục tương lai. Điều này trước hết giả thiết những tiếp xúc thích hợp giữa chủng viện và xã hội: học viện không phải là một thế giới đóng kín chỉ biết cách trừu tượng về điều kiện chân thực của con người và sự việc, nhưng cũng không phải là một thế giới cởi mở đến nỗi đón nhận mọi kinh nghiệm.

41 Có thể tách lấy để xây đắp hình ảnh một chủ chăn khuôn mẫu nhờ những tài liệu của các Đức Giáo Hoàng mới đây. Đó là những tài liệu bàn về đời sống các đức tính và công cuộc đào tạo các Linh Mục, đặc biệt là các tài liệu của:

- T. Piô X, Tông huấn cho hàng Giáo sĩ Hacrent Animo: S. Pio X Acta IV, trg 237 tt.

- Piô XI, TĐ Ad Catholici Sacerdotii: AAS 28 (1936), trg 5 tt. - Piô XII, Tông huấn Menti Nostrae: AAS 42 (1950), trg 657 tt. - Gioan XXIII, TĐ Sacerdotii Nostri Primordia: AAS 51 (1959), trg 545 tt. - Phaolô VI, Tông thư Summi Dei Verbum: AAS 55 (1963), trg 979 tt. Những ý tưởng về đào tạo Linh Mục còn thấy rải rác trong các thông điệp: Mystici Corporis Sanctae Dicipina (1955). Princeps pastorum (1959) và Tông hiến cho các tu sĩ Sedes Sapientiae (1956).

Đức Piô XII, Gioan XXIII và Phaolô VI đã nhiều lần phác họa hình ảnh của vị chủ chăn tốt lành trong các diễn từ dành cho chủng sinh và linh mục.

74* Về vấn đề quan trọng này, hãy xem những nhắc nhở của Công Đồng MK 24; PV 24, 35, 52, 109; LM 4; GH 25; GM 12.

75* Ở đây hiểu ngầm sự đào tạo về thánh nghệ và thánh nhạc (M 114/4) theo những chỉ dẫn của Hiến Chế về Phụng Vụ Thánh (PV 115, 129). Một đề nghị tu chỉnh có 10 Nghị Phụ ký tên đòi hỏi rằng Phụng Vụ phải là "chủ yếu đời sống, làm sống động mọi công cuộc huấn luyện ở chủng viện" (M 114/4c).

76* Điểm này được thêm vào lược đồ F, tháng 10 năm 1964, theo lời yêu cầu của nhiều Nghị Phụ.

77* Nghệ thuật phức tạp này đòi hỏi phải có một căn bản thần học vững chắc, hiểu biết tường tận các khoa tâm lý và một số nhận thức thiêng liêng đã được luyện tập. Sắc lệnh nói về sự hướng dẫn để đào tạo mọi con cái Giáo Hội để nâng đỡ mọi người đến một đời sống ý thức, tươi sáng, đủ quảng đại hiến mình vào việc tông đồ (xem GH số 38), và giúp mỗi tín hữu chu toàn những nhiệm vụ thuộc bậc sống để mưu ích cho mọi người. Sự hướng dẫn này cần thiết để giúp các thiếu niên định hướng tương lai của họ. LTCB còn nói thêm về sự chuẩn bị của các linh mục "trong những liên lạc đứng đắn và lành mạnh đối với phụ nữ".

78* Thường các tu sĩ nam nữ than phiền là không tìm thấy một linh mục có thể giúp đỡ đúng mức đời sống thiêng liêng của họ. Vì thế Công Đồng đòi hỏi các linh mục tương lai phải biết rõ về sự quan trọng và những đòi hỏi cuộc đời tu dòng (ghi chú 42).

42 Về giá trị của bậc sống khẩn giữ những lời khuyên Phúc Âm, xem CĐ Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen Gentium, ch VI: AAS 57 (1965), trg 49-53; Sắc Lệnh về việc canh tân thích nghi đời sống Dòng Tu Perfectae Caritatis.

79* Đây là lần thứ nhì Sắc Lệnh này công khai lập lại nhu cầu phải huấn luyện để đối thoại (xem số 15). Đoạn này được thêm vào vì nhiều can thiệp của các Nghị Phụ (vd. Đức Hồng Y Doepfner và Léger, ĐGM Savage v.v...). Cũng cần lập lại ở đây thái độ căn bản của đối thoại: biết nghe người khác; đó là điều kiện cần thiết để hiểu người khác. 61 Nghị Phụ đã đòi hỏi như vậy cho số 6 (M 63-8), và 18 Nghị Phụ đã đòi hỏi các giáo hữu phải như vậy (M 117-2).

Chính trong viễn tượng này mà Công Đồng yêu cầu phải học các khoa tâm lý, sư phạm và xã hội để hiểu biết con người và hoàn cảnh hơn: xem số 20.

43 Xem Phaolô VI, Tđ Ecclesiam Suam, 6-8-1964: AAS 56 (1964), nhất là trg 635 tt và 640 tt.

44 Nhất là xem Gioan XXIII, Tđ Mater Magistra, 15-3-1961: AAS 53 (1961), trg 401 tt.

80* Sự góp phần của các khoa học nhân văn có thể giúp đỡ nhiều cho việc thích ứng mục vụ với nhu cầu ngày nay và canh tân các phương pháp.

81* Công Đồng đã nhấn mạnh nhiều về các liên hệ giữa giáo dân và linh mục; vd GH 33, 37; TĐ 28, 32; ĐT 8, 16; LM 14; TG 21; MV 44... Vì là "người cổ vũ giáo dân", "người giáo huấn giáo dân", linh mục phải tập cộng tác rộng rãi với họ.

45 Đặc biệt xem CĐ Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen Gentium, số 33: AAS 57 (1965), trg 39.

82* Tinh thần truyền giáo cởi mở này đã nhuần thấm Công Đồng; vd GH 17; TG nhất là số 16, 36-39; LM 10. Chính Sắc Lệnh này cũng nhấn mạnh rằng phải dạy cho chủng sinh biết nhu cầu của toàn thể Giáo Hội, những vấn đề trầm trọng đang đè nặng trên từng phần của Giáo Hội, những bước tiến trong việc Phúc Âm hóa thế giới...

46 Xem n.v.t. số 17: AAS 57 (1965), trg 20 tt.

83* Bản văn gọi việc tông đồ là một nghệ thuật. Nghệ thuật bao gồm hiểu biết và thực hành. Nhận xét đó rất có giá trị. LTCB nhắc lại rằng phải thể hiện việc tông đồ "suốt kỳ học tập, trong năm cũng như kỳ nghỉ" (LTCB số 97).

47 Nhiều văn kiện của các Đức Giáo Hoàng nêu rõ nguy cơ xao lãng mục đích siêu nhiên trong hoạt động mục vụ hoặc thực tế coi rẻ việc trợ giúp siêu nhiên, đặc biệt xem những văn kiện ghi trong chú thích 41.

84* Được dự liệu từ lược đồ B, chất liệu trong chương này đã được rút gọn nhưng vẫn giữ được tất cả những gì là cần bản về sự chuyển tiếp giữa đời sống ở chủng viện sang cuộc sống thi hành chức vụ đầy khó khăn.

48 Nhiều văn kiện mới đây của Tòa Thánh thiết tha yêu cầu đặc biệt săn sóc các linh mục mới chịu chức. Có thể kể những văn kiện chính: Piô XII, Tđ Sacerdotium, 2-4-1949: AAS 41 (1949), trg 165-167; Tông huấn Menti Nostrae, 23-9-1950: AAS 42 (1950); Tông hiến cho tu sĩ Sedes Sapientiae, 31-5-1956 và quy chế tổng quát đính kèm; Diễn văn cho các Linh mục "Convictus Barcionensis", 14-6-1957: Discorsi e Radiomessaggi, XIX, trg 271-273. - Phaolô VI, Diễn văn đọc trước các Linh Mục học viện "Gian Matteo Giberti", giáo phận Verona, 11-3-1964: L'Osservatore Romano, 13-3-1964.

85* Lo lắng tổ chức chương trình và phương thể đào tạo sau khi rời chủng viện không những là trách nhiệm của mỗi Giám Mục riêng rẽ, nhưng cũng là của cả Hội Đồng Giám Mục, và theo bản đề nghị tu chính 1 (M 120) trách nhiệm này có nghĩa bắt buộc.

86* Xem những chỉ dẫn của LTCB số 101.

87* Phải xem lại thư của Thánh Bộ phụ trách hàng giáo sĩ biên soạn sau bản điều tra gửi cho các Hội Đồng Giám Mục, hỏi về việc đào luyện thường xuyên cho hàng giáo sĩ ngày 4 tháng

11 năm 1969 (xem Doc. cath. 1-3-70) trong đó sau những cân nhắc tổng quát quan trọng Thánh Bộ đã đề ra những phương thể cụ thể để đào luyện thường xuyên hàng giáo sĩ như: năm mục vụ, khảo hạch từng ba năm một, những nhóm họp tìm hoàn thiện, những nhóm họp nghiên cứu, đại hội linh mục, tổ chức thư viện, nghỉ ngơi để học tập v.v... xem thêm TG số 20, 5).

88* Các lược đồ B, C và D kết thúc bằng một lời hứa Thiên Chúa trả công cho những người đào tạo hàng giáo sĩ. Lời kết luận chúng ta có đây là theo lời yêu cầu của một Nghị Phụ duy nhất về "vài lời nói hoàn toàn mục vụ với các chủng sinh hiện tại và tương lai" (M 121/6). Đây là một việc làm tốt đẹp nói lên niềm tin tưởng của Giáo Hội nơi các vị hữu trách lo đào tạo linh mục và nơi các chủng sinh, và sau cũng là lời khuyên đem thực hành Sắc Lệnh.

Vấn kiện này sẽ ảnh hưởng lớn lao đến việc canh tân Giáo Hội, chính vì tin tưởng vào các linh mục hôm nay và ngày mai, nên Giáo Hội thực hiện việc canh tân cho toàn thể Giáo Hội. Xin Chúa cảm ứng cho các bậc thầy và môn sinh để họ ghi tâm những trách vụ nặng nề trước những gì vừa được ban hành "cho Danh Chúa cả sáng".

VỀ MỤC LỤC

HIỆP NHẤT TRONG MỘT CHÉN - MỘT BÁNH

Chúa nhật XVII TN

2 V 4, 42-44; Ep 4,1-6, Ga 6, 1-15

Chuyện hết sức gần gũi và căn cốt với con người đó chính là chuyện ăn uống. Với những người khá giả và giàu có thì ăn uống có thể là hưởng thụ, hưởng của ngon vật lạ nhưng đối với những người nghèo túng thì ăn uống là ước mơ qua ngày đoạn tháng của họ. Những ai rơi vào cảnh đói mà không có gì ăn mới hiểu được lương thực cần là như thế nào.

Nhớ lại những năm sau những ngày khó khăn, cuộc sống quá khó khăn để chúng ta có những gia đình phải nhịn đói, phải ăn cơm độn với khoai ... Những ngày đó đã qua đi rồi, giờ thì ít đói hơn xưa nhưng dấu sao cũng nhớ những ngày đó.

Có thể chúng ta hết đói nhưng đâu đó chỗ này chỗ kia trên thế giới, trong đất nước vẫn có những người vất vả mưu sinh để kiếm cơm ngày ba bữa. Có thể có những người đang rơi vào nạn đói.

Chúng ta vừa bắt gặp hình ảnh của nạn đói qua sách các Vua quyển thứ hai. Ông Êlisa, người của Thiên Chúa được một người kia từ Baan Salisa đến biếu cho hai mươi chiếc bánh lúa mạch và cốm. Quả thật, con số này không phải là lớn nhưng gặp nạn đói thì nó lại là lớn. Người ta phải tích trữ để ăn chứ chẳng ai dại gì mà lại mang cho người khác trong lúc này. Thế nhưng Êlisa đã bảo tiểu động của mình phát cho người ta ăn, Tiểu động thì ngần ngại nhưng cuối cùng nghe theo lời Êlisa và đã phát cho người ta ăn. Số người được ăn hôm đó lên đến đến cả trăm người. Sở dĩ làm được như vậy là vì lời Đức Chúa đã phán : "Họ sẽ ăn mà vẫn còn dư".

Ngày hôm nay chúng ta cũng bắt gặp được chuyện đông người ăn mà còn dư đó dù rằng chỉ với 5 chiếc bánh và 2 con cá.

Chuyện là khi đi giảng dạy, đông đảo dân chúng đi theo Chúa. Chiều đến tất cả có chung một tâm trạng là mệt và đói. Các môn đệ nhìn thấy dân chúng như thế cũng lo lắng chứ ! Vì lẽ họ đi theo nghe thầy giảng mà trò là những người đi theo để phục vụ thầy. Thầy thử các môn đệ : "Ta mua đâu ra bánh cho họ ăn đây ?". Phản ứng hết sức nhanh nhẹn của các môn đệ là dù có cho họ ăn không đủ dù cho đến hai trăm quan tiền. Bỗng nhiên Anrê nói với thầy là có một em nhỏ cầm theo 5 chiếc bánh lúa mạch và 2 con cá nhưng cũng kèm theo câu là với ngần ấy người thì ngấm vào đâu ! Chúa Giêsu bảo các môn đệ ổn định dân chúng và rồi

Chúa Giêsu cầm bánh, dâng lời tạ ơn và phân phát cho dân chúng. Dân chúng và đặc biệt các môn đệ ngạc nhiên trước việc làm phép lạ này. Với con người thì không thể nhưng với Thiên Chúa thì có. Chính Thiên Chúa đã dùng quyền năng của Ngài để quy tụ cũng như lo lắng cho dân chúng khi họ phải lâm vào cơn đói.

Một chi tiết hết sức dễ thương đó là sau khi thấy dấu lạ này và rồi dân chúng nói "Hắn ông này là vị ngôn sứ, Đấng phải đến thế gian!". Như thế, qua việc Chúa Giêsu làm phép lạ hóa bánh này ít nhiều gì đó dân cũng đã nhận ra Chúa Giêsu. Chúa Giêsu làm như thế để chứng tỏ quyền năng của mình và hơn hết đó chính là chuyện quy tụ dân hiệp nhất với nhau, yêu thương nhau. Thế nhưng, đáng tiếc thay là con người lại nhìn Chúa Giêsu dưới góc nhìn khác, dưới quan niệm khác như người đời đó là họ muốn tôn phong Chúa lên làm vua và Chúa Giêsu biết điều đó và đã lánh đi. Họ không nhìn dưới lăng kính của Chúa Giêsu nhưng họ nhìn dưới lăng kính của người đời. Tôn vinh Chúa Giêsu làm vua để họ được hưởng lợi những cái lợi lộc của trần gian. Chúa Giêsu lại khác, Chúa mời gọi mọi người sống trong sự chia sẻ, hiệp nhất.

Với quyền năng để làm phép lạ như thế Chúa có thể dùng cách này cách khác nhưng Chúa lại muốn dùng chính những chiếc bánh và những con cá của một em nhỏ để nói lên sự hiệp nhất cùng nhau trong cùng tấm bánh, trong cùng con cá Chúa làm phép lạ đó. Hiệp nhất, yêu thương và chia sẻ, nói thì dễ nhưng làm không phải là chuyện dễ chút nào cả. Thánh Phaolô gửi tâm tình của ngài hết sức thân thương trong thư gửi cộng đoàn Êphêsô mà chúng ta vừa nghe : "Tôi khuyên nhủ anh em hãy sống cho xứng với ơn kêu gọi mà Thiên Chúa đã ban cho anh em. Anh em hãy ăn ở thật khiêm tốn, hiền từ và nhẫn nại; hãy lấy tình bác ái mà chịu đựng lẫn nhau. Anh em hãy thiết tha duy trì sự hiệp nhất mà Thần Khí đem lại, bằng cách ăn ở thuận hoà gắn bó với nhau. Chỉ có một thân thể, một Thần Khí, cũng như anh em đã được kêu gọi để chia sẻ cùng một niềm hy vọng. Chỉ có một Chúa, một niềm tin, một phép rửa. Chỉ có một Thiên Chúa, Cha của mọi người, Đấng ngự trên mọi người, qua mọi người và trong mọi người.

Tâm tình thánh Phaolô mời gọi cũng chính là mong ước của Chúa Giêsu nơi con người. Chúa muốn con người duy trì sự hiệp nhất, yêu thương.

Chúng ta thấy hình ảnh hết sức đẹp trong bí tích Thánh Thể. Với tấm bánh duy nhất, máu duy nhất đó được phân phát cho mọi người để rời qua bánh và rượu là Mình và Máu Chúa đó để mọi người cùng hiệp nhất với nhau trong tình yêu.

Phải nói rằng nhiều người không có đạo hay không có niềm tin họ ngạc nhiên, họ thắc mắc tại sao tất cả cùng lên để nhận 1 tấm bánh duy nhất và nhỏ xíu đó. Với niềm tin, Chúa muốn quy tụ chúng ta thành con cái của Ngài, cho cùng hưởng chung một chén, ăn cùng một bánh và hiệp nhất yêu thương nhau. Và, bên cạnh đó, Chúa cũng mời gọi chúng ta sống chia sẻ như em bé đã chia sẻ 5 chiếc bánh và 2 con cá trong phép lạ Chúa Giêsu làm.

Xin cho chúng ta sau khi nhận bí tích Thánh Thể cũng biết hướng về sự hiệp nhất, yêu thương. Xin Chúa thêm ơn cho chúng ta để trong mọi hoàn cảnh của cuộc đời chúng ta luôn cố gắng duy trì sự hiệp nhất yêu thương trong gia đình, khu xóm, họ đạo của chúng ta.

Lm. Anmai, C.Ss.R.

VỀ MỤC LỤC

LỜI CHÚA VÀ LINH HỨNG TRONG KINH THÁNH

Tác Phẩm: MỘT VỊ THIÊN CHÚA NGỎ LỜI!

Thiên Chúa tỏ mình cho con người thế nào?

Chuyển ngữ:

Thérèse Trần Thiết

Fr. Marie Bảo Tịnh O.Cist

Nguyên tác:

Michel HUBAUT

UN DIEU QUI PARLE!

Comment Dieu se révèle-t-il à l'homme?

Chương 2

LỜI CHÚA VÀ LINH HỨNG TRONG KINH THÁNH

Linh hứng trong Giao Ước Thứ Nhất

Ta vẫn nói các tác giả được "linh hứng". Vậy phải hiểu thế nào về việc linh hứng trong Kinh Thánh? Định nghĩa bản chất sự gợi hứng này quả là không đơn giản chút nào. Vì vừa phải tôn trọng Thiên Chúa là Đấng có sáng kiến, vừa phải tôn trọng tự do của con người, vì họ không chỉ đơn thuần là một dụng cụ thụ động. Thật lạ lùng, ta không hề thấy xuất hiện hai từ "linh hứng" trong Kinh Thánh, ngay cả Tân Ước^[1]. Trong những văn bản xa xưa nhất, ta cũng chỉ thấy một vài ý ám chỉ. Như khi nói rằng theo lệnh truyền của Thiên Chúa mà Mô-sê đã viết Giao Ước:

"Đức Chúa phán với ông Mô-sê: "Hãy ghi chép những lời này, vì dựa trên chính những lời này mà Ta đã lập giao ước với người và với Ít-ra-en" (Xh 34, 27; 24, 4...).

Sau đó còn được nói rõ hơn với Giê-rê-mi-a: *"Có lời Đức Chúa phán với ông Giê-rê-mi-a rằng: Người hãy viết vào một cuốn sách tất cả những lời Ta phán với người" (Gr 30, 2; 36, 2).*

Nhưng nếu cách nói "linh hứng" không có trong Kinh Thánh, thì ngược lại *quyền sở hữu của Thần Khí* là một thực tại đã có từ lâu đời, và luôn được nhắc đến. Từ rất sớm *"Thần Khí của Thiên Chúa"* đã xuất hiện như một *sức mạnh huyền nhiệm*, đi vào lịch sử dân được tuyển chọn để đồng hành với kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa. Người chiếm hữu những người được chọn và biến đổi họ. *"Thần Khí này của Thiên Chúa"*, qua trung gian những người được chọn, được biến đổi, và "linh hứng" này, hầu như đã hướng dẫn những giai đoạn khác nhau của lịch sử cứu độ.

Tác động của Thần Khí đôi khi bất ngờ và mau qua. Người "đánh động", "ngự xuống trên người được gợi hứng với sức mạnh và quyền năng" của Người:

"Bà sinh được một con trai và đặt tên là Sam-son. Đứa bé lớn lên, Đức Chúa chúc lành cho nó. Và Thần Khí Đức Chúa bắt đầu tác động trên Sam-son, tại trại Đan, giữa Xô-rơ-a và Êt-ta-ôn" (TI 13, 24-25).

Thần Khí Thiên Chúa có thể thức tỉnh nơi con người một sức mạnh thể lý cách phi thường, và làm cho họ thực hiện được những kỳ công trong một trận chiến. Bởi đó nhiều vị lãnh tụ dân Do-thái, mặc dù không hề được chuẩn bị, bỗng nhiên được biến đổi hoàn toàn. Thần Khí mặc cho họ bản lãnh một nhân vật mới lạ, để họ trở thành những vị tướng lãnh can trường, những vị "cứu tinh" của dân tộc mình:

"Thần Khí Đức Chúa ập xuống trên ông, và với hai bàn tay không, Sam-son đã xé xác sư tử như xé một con dê con; nhưng ông không kể cho cha mẹ biết việc ông đã làm" (TI 14, 6. 19) [2].

"Sau đó ông (Sa-mu-en) sẽ đến Ghíp-a của Thiên Chúa, và ở cổng thành...Thần Khí Đức Chúa sẽ nhập vào ông, ông sẽ lên cơn xuất thần ngôn sứ cùng với họ, và ông sẽ biến thành một người khác. Vậy khi các dấu ấy xảy đến cho ông, thì ông hãy tùy cơ ứng biến, vì Thiên Chúa ở với ông" (1Sm 10, 5-13; 19, 20-24).

"...Thần Khí Đức Chúa nhập vào Đa-vít từ ngày đó trở đi..." (1Sm 16,13).

"Thần Khí Đức Chúa ập xuống trên tôi, và nói với tôi: "Người hãy nói: Đức Chúa phán thế này" (Ed 11, 5).

Thần Khí Chúa đến ngự trên những vị lãnh tụ có đặc sủng như Mô-sê, Gio-suê, Sa-mu-en, Đa-vít.

"Ông Mô-sê ra nói lại với dân những lời của Đức Chúa. Ông tập hợp bảy mươi người trong số kỳ mục của dân và đặt họ đứng chung quanh Lều. Đức Chúa ngự xuống giữa đám mây và nói chuyện với ông Mô-sê. Người lấy một phần Thần Khí đang đậu trên ông mà đặt trên bảy mươi kỳ mục. Khi Thần Khí đậu xuống trên các ông thì các ông bắt đầu phát ngôn, nhưng việc đó không tái diễn nữa. Có hai người ở lại trong trại, một người tên là En-đát, một người là Mê-đát. Cả hai đã có tên trong sách các kỳ mục, nhưng họ không đến Lều trại. Thần Khí đậu xuống trên các ông và họ bắt đầu phát ngôn trong trại. Một thanh niên báo tin cho Mô-sê: "En-đát và Mê-đát đang phát ngôn trong trại!" Giô-suê, con ông Nun, đã từng theo Mô-sê từ nhỏ, lên tiếng nói với Mô-sê: "Thưa Thầy, xin thầy ngăn cản họ!" Nhưng Mô-sê trả lời: "Anh ghen cho tôi à? Phải chi Đức Chúa ban Thần Khí trên toàn dân của Người để họ đều là ngôn sứ!" Vì Đức Chúa đã ban Thần Khí của Người trên họ. Rồi Mô-sê vào trại cùng với các kỳ mục của dân Ít-ra-en" (Ds 11, 24-30).

"Đây là những lời cuối cùng của vua Đa-vít: "Sấm ngôn của Đa-vít, con ông Giê-sê... Thần Khí Đức Chúa dùng tôi mà phán, lời Người ở trên lưỡi tôi. Thiên Chúa của Ít-ra-en đã nói, Núi Đá của Ít-ra-en đã phán cùng tôi..." (2 Sm 23, 1-3).

Thần Khí cũng có thể ban ơn ngôn sứ. Thần Khí đến trên một vài người như một ơn hoàn toàn tự do của Thiên Chúa. Khi Ba-lác, vua Mo-áp, yêu cầu ngôn sứ Ba-la-am chúc dữ, nguyên rủa dân Ít-ra-en, vì đã chiếm đất của họ, nhưng ông này bị một sức mạnh từ bên trong bắt phải chúc lành cho Ít-ra-en, và còn tiên đoán việc Đấng Cứu Thế sẽ từ dân này mà đến: "Ba-la-am thấy Ít-ra-en đóng trại theo chi tộc của họ; Thần Khí của Chúa ở trên ông, ông liền cất tiếng nói lên sấm ngôn của ông" (Ds 24, 2).

Thần Khí còn là nguồn gốc của ơn giải thích các giấc mộng. Chính Người đã ban cho Giu-se khả năng cắt nghĩa giấc mộng của những viên quan chức trong đền Pha-ra-on: "Chúng tôi đã chiêm bao mà không ai giải thích được. Giu-se nói với họ: "Chỉ Thiên Chúa mới giải thích được, nhưng cứ kể cho tôi nghe nào!" (St 40, 8). Và giấc mộng của Pha-ra-on với bảy con bò béo và bảy con bò gầy: "...Giu-se thưa với Pha-ra-on rằng: Không phải tôi, mà là Thiên Chúa sẽ cho câu trả lời đem lại bình an cho Pha-ra-on."... "Điều Thiên Chúa sắp làm thì Người sẽ báo cho ông biết..." (St 41, 16-38).

Chỉ một mình Đa-ni-en, được Thần Khí Chúa ngự trong ông, mới có thể giải thích giấc chiêm bao của vua Na-bu-cô-đô-nô-xô: "Bấy giờ tất cả các thầy phù thủy, pháp sư, chiêm tinh gia và cả các thầy bói toán vào châu. Ta đã kể cho họ nghe giấc mộng của ta, nhưng họ không thể cắt nghĩa giấc mộng ấy muốn nói gì. Sau hết, có Đa-ni-en vào châu, và cũng là người có Thần Khí của Chúa ở nơi mình" (Đn 4, 4-5; 6, 4).

Các ngôn sứ, những người được "linh hứng" là thành phần Thiên Chúa ưu tuyển

Nhưng, rõ ràng trong lịch sử Kinh Thánh, các ngôn sứ đều là những người ưu tiên được Thần Khí của Chúa cư ngụ, đôi khi họ còn được xem là những người được "bàn tay Thiên Chúa" nắm giữ:

"Thật vậy Đức Chúa đã phán với tôi thế này, khi tay Người nắm lấy tôi, khi Người dạy tôi đừng đi theo đường lối dân này" (Is 8,11).

"Một thần khí nâng tôi lên và nắm lấy tôi; tôi ra đi, lòng tràn ngập cay đắng và phần nộ. Bàn tay Đức Chúa nắm chặt lấy tôi." (Ed 3, 14).

"Bây giờ, hãy dẫn đến tôi một người gảy đàn." Người gảy đàn vừa đánh đàn, thì bàn tay Đức Chúa ở trên ông" (2V 3, 15).

Trong sách Hô-sê, vị ngôn sứ này đã được mệnh danh là *người của Thần Khí* hay người được *linh hứng* (Hs 9, 7); và Mi-kha đã không ngần ngại nói rằng: *"Phần tôi, nhờ Thần Khí Đức Chúa, tôi được đầy sức mạnh"* (Mk 3, 8).

Sau thời gian lưu đày, một số văn bản đã nói cách rõ ràng rằng Thiên Chúa, bởi Thần Khí của Người, đã nói qua các vị ngôn sứ:

"Lòng chúng, chúng để cho chai cứng như kim cương để khỏi vâng giữ Lễ Luật và lời dạy bảo mà Đức Chúa các đạo binh đã gửi đến nhờ thần khí của Người, qua trung gian các ngôn sứ thời xưa. Và chuyện xảy ra là Đức Chúa các đạo binh đã giáng xuống cơn thịnh nộ lớn lao" (Dcr 7, 12).

"Đã nhiều năm Chúa kiên nhẫn với họ, dùng thần khí và ngôn sứ của Người mà đưa lời cảnh cáo. Nhưng họ chẳng màng lắng tai nghe, nên Người trao nộp họ vào tay dân tứ xứ" (Nkm 9, 30).

Còn Ê-dê-ki-en, ông tuyên bố rõ ràng rằng Thần Khí của Chúa là linh hồn cho việc linh hứng nơi các ngôn sứ: *"Tiếng đó bảo tôi: "Hỡi con người, hãy đứng cho vững, Ta sắp nói với ngươi đây". "Một Thần Khí đã nhập vào tôi, đúng như lời Người đã phán với tôi, và làm cho chân tôi đứng vững, và tôi đã nghe tiếng Người phán với tôi"* (Ed 2, 1-2; 3, 24).

Các ngôn sứ đều công nhận có một sức mạnh từ bên trong tác động trên họ, thúc đẩy họ nói, ngay cả khi tính mạng có thể bị đe dọa:

"Lạy Đức Chúa, Ngài đã quyến rũ con, và con đã để cho Ngài quyến rũ. Ngài mạnh hơn con, và Ngài đã thắng (...). Có lần con tự nhủ: "Tôi sẽ không nghĩ đến Người, cũng chẳng nhân danh Người mà nói nữa." Nhưng lời Ngài cứ như ngọn lửa bùng cháy trong tim, âm ỉ trong xương cốt. Con nén chịu đến phải hao mòn, nhưng làm sao nén được!" (Gr 20, 7-9).

Các ngôn sứ vẫn biết rằng ngôn từ mà họ nói đều không phải là của họ:

"Sư tử đã gầm lên: ai mà không sợ hãi? Đức Chúa là Chúa Thượng đã phán, ai chẳng nói tiên tri? Sa-ma-ri đồi trụy sẽ bị diệt vong" (Am 3, 8).

Sau thời gian lưu đày, Thần Khí Chúa còn được nhìn nhận như cội gốc của đời sống luân lý và đạo đức của tín hữu. Vì thế mà tác giả Thánh Vịnh xin Chúa đừng cất đi khỏi họ thần khí của Người:

"Lạy Chúa Trời, xin tạo cho con một tấm lòng trong trắng, đổi mới tinh thần cho con nên chung thủy. Xin đừng nổi giận con không cho gần Nhan Thánh, đừng cất khỏi lòng con thần khí thánh của Ngài" (Tv 51 (50), 12-13).

Chính Thần Khí ngự trong tâm hồn người công chính và ban cho họ sức mạnh để sống một đời thánh thiện:

"Điều đẹp ý Ngài, xin dạy con thực hiện, bởi Người là Thiên Chúa của con. Xin thần khí tốt lành của Chúa dẫn con đi trên miền đất phẳng phiu." (Tv 142 (143), 10)^[3];

Các ngôn sứ vẫn thường nói rằng chỉ có Thần Khí mới có thể tái tạo lề luật và sự công chính, và ban cho con người sự bén nhạy mới mẻ đối với Lời Chúa và Giao Ước của Người. Được tái sinh bởi Thần Khí, dân Do-thái nhận biết Thiên Chúa của mình và bước đi trong đường lối Người:

"Chính thần trí của Ta, Ta sẽ đặt vào lòng các người (...) Các người sẽ là dân của Ta. Còn Ta, Ta sẽ là Thiên Chúa các người" (Ed 36, 27-28)^[4].

Một kinh nghiệm tâm linh được diễn tả bằng ngôn ngữ biểu tượng

Thiên Chúa không "nói" trực tiếp với con người, nhưng bởi Thần Khí, Người "nói" hay đúng hơn "gợi hứng" cho các ngôn sứ. Những gì chúng ta vừa rảo qua trên đây chứng tỏ Thiên Chúa đã dùng nhiều cách để "nói" với con người. Để diễn tả kinh nghiệm tâm linh của một "lời được linh hứng", ta đã thấy các tác giả Sách Thánh hay nói tới "thị kiến", "giấc mộng" hoặc "linh hứng bên trong". Đối với Mô-sê, các tác giả còn diễn tả linh hứng của ông như một cuộc "diện kiến", giáp mặt thực sự với Thiên Chúa. Lối nhân-hình-hóa này là một cách để người Do-thái nhấn mạnh về sự thân mật đặc biệt với Thiên Chúa và uy quyền của Lời Người:

"Hãy nghe Ta nói đây! Nếu trong các người có ai là ngôn sứ, thì Ta, Đức Chúa, Ta sẽ tỏ mình ra cho nó trong thị kiến, hoặc sẽ phán với nó trong giấc mộng. Nhưng với Mô-sê tôi tỏ Ta thì khác: tất cả nhà Ta, Ta đã trao cho nó. Ta nói với nó trực diện, nhãn tiền, chứ không nói bí ẩn, và hình dáng Đức Chúa, nó được ngắm nhìn. Vậy tại sao các người không sợ nói động đến Mô-sê, tôi tỏ Ta" (Ds 12, 6-8)?

Nhưng đa số cách diễn tả "lời linh hứng" không được xác định rõ: *"Đức Chúa phán với ông Áp-ram: Hãy rời bỏ xứ sở, họ hàng và nhà cha người, mà đi tới đất Ta sẽ chỉ cho người" (St 12,1).*

Đôi khi Lời như được sử dụng cách gần gũi với tâm lý bình thường, như sự khôn ngoan của Thiên Chúa làm việc trong tâm hồn con người:

"Phàm nhân hỡi, ta mời gọi các người đó, ta ngỏ lời với các người, hỡi con cái loài người. (...) Nghe đây, ta sẽ công bố những lời cao quý, môi ta sẽ thốt lên những điều ngay thẳng" (Cn 8, 4-6).

"Giờ đây, hỡi các con, hãy nghe ta. Phúc thay người bước theo đường lối ta chỉ bảo. Muốn nên khôn, phải nghe lời nghiêm huấn, đừng bao giờ gạt bỏ. Phúc thay người lắng nghe ta dạy, ngày ngày canh thức trước cửa nhà ta, túc trực ở ngay lối ra vào. Vì gặp được ta là gặp sự sống, và hưởng ân lộc Đức Chúa ban cho" (Cn 8, 32-35).

"Vậy tôi nguyện xin, và Thiên Chúa đã ban cho tôi sự hiểu biết. Tôi kêu cầu, và thần khí Đức Khôn Ngoan đã đến với tôi" (Kn 7, 7; x. Kn 8).

Vẫn luôn luôn là một linh hứng bên trong, một sự thông hiểu, hay một sự khôn ngoan thiêng liêng chỉ dạy cho biết phải sống thế nào.

"Trong vương quốc của ngài, có một nhân vật mang nơi mình thần khí của các bậc thần thánh (...) người ta gặp thấy nơi nhân vật ấy sự sáng suốt, thông hiểu và khôn ngoan sánh được với sự khôn ngoan của các thần" (Đn 5, 11).

"Pha-ra-ô nói với ông Giu-se: "Sau khi Thiên Chúa đã cho ông biết tất cả những điều ấy, không ai thông minh và khôn ngoan như ông" (St 41, 39).

Mỗi tác giả Sách Thánh, đã dùng một ngôn ngữ, với ít nhiều tưởng tượng, biểu tượng, ảnh hưởng của nền văn hóa riêng mà diễn tả linh hứng của họ. Điều quan trọng, chính là mỗi người, từ Áp-ra-ham, Gia-cóp, Mô-sê, đều nhận thức rằng Thiên Chúa "nói" với họ. Lời Chúa đôi khi khiến họ làm những việc ngoài ý muốn. Hơn nữa, sự gặp gỡ, "thông hiệp" với Thiên Chúa hằng sống, luôn đảo lộn cả cuộc sống với những dự tính của họ:

"Ông A-mốt trả lời ông A-mát-gia: "Tôi không phải là ngôn sứ, cũng chẳng phải là người thuộc nhóm ngôn sứ. Tôi chỉ là người chăn nuôi súc vật và chăm sóc cây sung. Chính Đức Chúa đã bắt lấy tôi khi tôi đi theo sau đàn vật, và Đức Chúa đã truyền cho tôi: "Hãy đi tuyên sấm cho Ít-ra-en dân Ta" (Am 7, 14-15).

Và bất kể mọi hình thức của cuộc đối thoại này, những người được linh hứng không bao giờ tự nhận Lời đã hoàn toàn do sáng kiến Thiên Chúa là của mình. Nhưng họ xác tín rằng Thiên Chúa không bao giờ vắng mặt trong lịch sử đời họ, Người hiện diện ở mọi nơi, nhất là trong tim con người. Những gì họ diễn tả theo văn hóa Do-thái, có thể không thích hợp với tâm thức Tây Phương của chúng ta. Ta có thể bị "dội" bởi cách họ mô tả một Thiên Chúa hầu

như lúc nào cũng “can thiệp” vào mọi sự, làm như con người chỉ còn là một nhân vật “múa rối” và Thiên Chúa chính là người “giật dây” trong mọi tình huống.

Đúng thế, một số thành ngữ nếu hiểu theo nghĩa đen, nếu không đặt chúng trong môi trường văn hóa riêng của tác giả, ta có thể cho là phi lý! Như khi ông No-e đóng tàu xong và đem mỗi loại súc vật một cặp lên tàu, tác giả viết: *"Thiên Chúa đóng cửa sau khi Noe lên tàu" (St 7, 16)!*

Ta không nên ngạc nhiên về lối viết nhân-hình-hóa này thường được dùng trong Cựu Ước, đó là cách người Đông Phương dùng để nói lên sự quan tâm, sự hiện diện của Thiên Chúa trong mọi biến cố của con người. Trong Tân Ước, tác giả sách Khải Huyền đã không ngần ngại “đặt vào miệng” Thiên Chúa: *"Này đây, Ta đứng trước cửa và gõ" (Kh 3, 20).*

Thật ra, kiểu nói đặc biệt theo văn hóa Do-thái, luôn được dùng để diễn tả một kinh nghiệm tâm linh. Khi các tác giả Sách Thánh viết *"Thiên Chúa nói với ông No-e", "Thiên Chúa bước đi, gõ cửa, đóng cửa..."*, họ hiểu hơn ai hết rằng Thiên Chúa siêu việt và duy nhất, Người không có miệng lưỡi, cũng không có chân tay, như những tượng thần do tay người làm ra. Nhưng họ dùng ngôn từ biểu tượng, sánh với những tương quan của con người, chỉ vì con người chúng ta không thể diễn tả cách khác hơn. Trong truyền thống ki-tô hữu, các nhà thần bí cũng thường dùng thứ ngôn ngữ biểu tượng, để diễn tả một kinh nghiệm tâm linh “khôn tả”, một cuộc đàm đạo nội tâm với Thiên Chúa.

Những cách thể linh hứng, nói lên sự tế nhị và huyền nhiệm của tương quan giữa Ông Thánh, việc khởi xướng của Thiên Chúa, tác động của Thần Khí và tự do của con người. Con người là một hữu thể tự do mà Thiên Chúa không thể cưỡng ép. Nhưng chính Người đã lấp đầy khoảng cách giữa siêu việt tính vô hình của Người và bản chất hữu hạn của con người, bởi ơn ban của Thần Khí, Đấng linh hứng, soi sáng lương tâm, con tim hay tâm hồn con người.

Để diễn tả sự hợp tác nhiệm mầu giữa Thiên Chúa và con người, giữa Thần Khí Chúa và tinh thần của con người, mà thánh Phao-lô gọi là động lực nội tâm, là hơi thở của Thần Khí. *"Thần Khí Chúa hợp tác với tinh thần con người"*: nói cách khác, Thiên Chúa không bao giờ để con người thay thế mình! nhưng Người thiêu đốt lòng người, soi sáng trí thông minh và thêm sức cho ý chí con người. Đó chính là điều mà các tác giả Sách Thánh nói nôm na cách giản dị khi họ viết: *"Chúa phán"*.

Linh hứng, một đặc sủng với nhiều cách thể hiện khác nhau

Ta đã nhận thấy tác động của Thần Khí rất khác nhau. Vì vậy mà “linh hứng” còn rộng rãi hơn đặc sủng đã ban cho “tác giả” Sách Thánh. Thần Khí Chúa có thể chọn một người để họ kiện toàn một vài hành động, có khi khiêm tốn, có khi mang tính cách quyết định cho lịch sử dân Người. Cũng có trường hợp, nhất là đối với các ngôn sứ, một “linh hứng phải nói”. Ngôn sứ là những người thông ngôn cho Thần Khí, và hiệu quả của linh hứng là việc họ tuyên bố những “lời sấm của Chúa”, để giáo huấn dân Người.

“Linh hứng trong văn viết” chỉ là một khía cạnh của linh hứng trong trọn bộ Kinh Thánh! Quả là sai lầm nếu ta thu hẹp linh hứng vào duy một thời kỳ có chữ viết. Vì “lời”, trước khi được viết thành chữ, thì đã được thực hiện trong cuộc sống. Với con người của Kinh Thánh, những phát-ngôn-viên chính của Thiên Chúa là các ngôn sứ, nhà hiền đức, tư tế, mỗi người diễn tả cách khác nhau. *"Lề Luật (hay giáo huấn) sẽ không thiếu nơi tư tế, lời khuyên bảo nơi nhà hiền đức, và lời nơi các ngôn sứ" (Gr 18, 18).*

Ta có thể phân định ra ba thể cách linh hứng: “linh hứng để hành động”, mà ta có thể xem như *linh hứng mục vụ*, chính linh hứng này thúc đẩy các mục tử hay người lãnh đạo của dân Chúa; “linh hứng bằng lời nói”, cho các *ngôn sứ loan truyền Lời Chúa*; và “linh hứng bằng văn viết” của nhiều người, tiếp nối và kiện toàn hai loại linh hứng trên thành văn bản. Cả ba hình thức trên tạo thành toàn thể linh hứng trong Kinh Thánh.

Một Lời để sống, chứ không phải một sự thật để chiêm ngưỡng

Linh hứng là một lực đẩy của Thần Khí tác động vào toàn thể con người. Người công chính, kẻ có lòng tin, trước hết không phải là kẻ tìm chiêm ngưỡng màu nhiệm Thiên Chúa, cho bằng "nghe" tiếng gọi của kế hoạch tình yêu Người. Trong Kinh Thánh, nghe, lắng nghe, luôn luôn quan trọng hơn "nhìn, thấy".

"Nghe đây, Ít-ra-en!" Tôn giáo trong Kinh Thánh là tôn giáo của lắng nghe, của hành động, hơn là hiểu biết: *Biết Thiên Chúa*, đối với một người Do-thái, không phải là có một ý tưởng về Người, nhưng là làm một kinh nghiệm về hành động của Thiên Chúa đối với dân Người. Điều ưu tiên cho con người trong Kinh Thánh, không phải sự hiểu biết Thiên Chúa bằng trí tuệ, mà là một kinh nghiệm cụ thể, thiết yếu về một Thiên Chúa đang dẫn thân trong lịch sử và linh hứng trong con tim loài người.

Văn hóa Do-thái khác xa văn hóa của Tây Phương chúng ta. Ảnh hưởng văn hóa Hy-lạp và La-mã, chúng ta thường diễn tả bằng những ý tưởng trừu tượng, trong khi các tác giả Sách Thánh luôn diễn tả bằng những hình ảnh và cách nói cụ thể. Như về người mục tử: *"Tôi đây là mục tử của bầy chiên của tôi"* (Ed 34, 15) hay *"Đấng cùng người sánh duyên cầm sắt, chính là Đấng đã tác thành người, tôn danh Người là Đức Chúa các đạo binh"* (Is 54, 5). Thầy Giê-su đã tỏ lộ Cha Mình và kế hoạch yêu thương của Người, bằng hình ảnh, bằng dụ ngôn trong đời thường, nhiều hơn là bằng những định nghĩa giáo điều.

Với dân Hy-lạp, sấm của thần thánh là những chân lý được biểu lộ bởi sự hiểu biết của trí tuệ. Tâm thức này đã ảnh hưởng trên truyền thống của các Giáo Phụ, và thần học thời Trung Đại. Vì thế, nơi thánh Tô-ma A-qui-nô, vai trò của ngôn sứ chủ yếu là về mặt trí tuệ: ông ta nhận từ Thiên Chúa những sự thật còn được giấu ẩn, để chuyển tới sự hiểu biết của con người. Do đó có xu hướng lẫn lộn "mạc khải" những chân lý và "linh hứng", mà xem các tác giả Kinh Thánh chỉ là những người "chuyển đạt mạc khải" và chân lý.

Điều này cho ta thấy rõ hơn về tầm quan trọng của linh hứng bằng văn viết, vào thời Trung Đại, một số Giáo Phụ chú giải hầu như hoàn toàn không biết đến tên tác giả "trần thế"! Vì cho rằng Kinh Thánh là Lời trực tiếp của Thiên Chúa. Mọi lời trong Sách Thánh đều do Thiên Chúa phán ra! Và nếu gặp những đoạn khó có thể rút ra một sứ điệp thiêng liêng... thì nhà chú giải tìm câu cứu trong các "ẩn dụ" để cố gắng phỏng đoán ra một ý nghĩa ẩn chứa sau mỗi từ trong đoạn văn ấy.

Xưa kia các Giáo Phụ có khi còn dùng những cách diễn tả để người ta hiểu rằng Kinh Thánh *như một bài chính tả do Thiên Chúa đọc ra*. Thánh Au-gus-ti-nô đã chẳng nói *Kinh Thánh là một lá thư từ trời gửi xuống* đó sao? Còn thánh Giê-rô-ni-mô xem tác giả các Sách Thánh như những *dụng cụ* của Thiên Chúa. Kinh Coran được đọc cho Ma-hô-mét viết, cũng chính là quan điểm của Hồi Giáo. Nơi các anh em tin lành cũng như nơi đa số tín hữu công giáo, cho tới đầu thế kỷ 19, quan điểm này vẫn được nhiều người tin theo.

Các nhà chú giải hiện đại nhắc nhở rằng: chúng ta không thể không biết đến vai trò của "tác giả trần thế". Thiên Chúa là một nhà mô phạm rất kiên trì. Người từ từ hé mở kế hoạch yêu thương của mình, bằng cách tôn trọng cá tính của người viết, tài sử dụng ngôn ngữ, với sự nhạy cảm của tác giả, và Thiên Chúa đã khôn khéo thích ứng sứ điệp của Người vào văn hóa của những người đón nhận sứ điệp đó. Chính qua sự phong phú cũng như giới hạn của tác giả, sự tiến hóa chậm chạp trong quan điểm của họ về Thiên Chúa, mà chúng ta được mời gọi thẩm định Lời Chúa đang còn phải vạch một lối đi xuyên qua cái vỏ dày cộm của con người. Một lần nữa, Lời Chúa không từ trời rơi xuống. Chúng ta cần biết tôn trọng Thiên Chúa, vì Thần Khí Người chính là nguồn linh hứng, và tôn trọng tự do của con người.

Chính vì vậy, trong một đoạn Kinh Thánh, ta chỉ có thể xem là "linh hứng" những gì liên quan đến kế hoạch tình thương của Thiên Chúa cho con người, chứ không phải toàn bộ trang tường thuật, có thể bao gồm những sai lầm về lịch sử hay khoa học. Sai lầm của những người theo chủ thuyết cơ bản, là thần thiêng hóa cả môi trường văn hóa xã hội, là lẫn lộn vỏ bọc với cốt lõi của sứ điệp, thay vì thẩm định hoa trái, sứ điệp mà nó cưu mang. Thầy Giê-su, Ngôi Lời nhập thể, đã thích ứng với văn hóa và ngôn ngữ dân Do-thái của thời đại mình sống, mà tỏ lộ thánh ý Cha.

Nếu Hiến Chế Tín Lý về Mạc Khải của Thiên Chúa đã ghi rõ rằng *"Những gì chứa đựng trong Kinh Thánh, đều được viết ra dưới sự linh hứng của Thần Khí"*, thì đồng thời Hiến Chế cũng nhấn mạnh về sự tự do của tác giả, họ không chỉ đơn thuần là dụng cụ thụ động:

"Nhưng để viết các sách thánh, Thiên Chúa đã chọn những người và dùng họ trong khả năng và phương tiện của họ, để khi chính Người hành động trong họ và qua họ, họ viết ra như những tác giả đích thực tất cả những gì Chúa muốn, và chỉ viết những điều đó thôi"^[5].

Không biết đến bối cảnh văn hóa xã hội của các tác giả, có thể diễn giải sai sứ điệp của họ, và rơi vào con đường lệch lạc của chủ thuyết cơ bản cực đoan.

"Tuy nhiên vì trong Kinh Thánh, Thiên Chúa đã nhờ loài người và dùng cách nói của loài người mà phán dạy, nên để thấy rõ điều chính Người muốn truyền đạt cho chúng ta, nhà chú giải Kinh Thánh phải cẩn thận tìm hiểu điều các thánh sử thực sự có ý trình bày và điều Thiên Chúa muốn diễn tả qua lời lẽ của họ. Để tìm ra chủ ý của thánh sử, giữa những phương pháp khác, cũng cần phải xét đến văn loại"^[6].

^[1] 1. Trừ một lần trong 2 Tm 3, 16: "Tất cả những gì viết trong Sách Thánh đều do Thiên Chúa linh hứng, và có ích cho việc giảng dạy, biện bác, sửa dạy, giáo dục để trở nên công chính".

^[2] 2. Cũng xem: Tl 6, 34; 11, 29; 15,14; 1 S 11,6-11 ^[3] và x. Is 63, 10-13).

^[4] Cũng xem Is 32, 15). ^[5] (Mk 11) ^[6] (Mk 12)

VỀ MỤC LỤC

QUY TỰ ĐOÀN CHIÊN

Trong những ngày hè nóng bỏng, tôi tham dự một chuyến ra miền Trung thăm anh em tôi, trước lúc lên đường, tôi tự hỏi, sao lại chọn mùa hè nóng nãy nãy để ra Trung ? Nhưng hỏi để mà hỏi vì chương trình đã được anh em sắp đặt, mình phải lên đường.

Miền Trung tháng bảy nắng cháy da người, dân thành phố chúng tôi ngơ ngác thờ giốc, cái nóng và cái nắng làm hao tổn sức lực rất nhanh. Nơi đến đầu tiên là cảng Sa Kỳ để lấy tàu ra đảo Lý Sơn, từng nhóm người tụ họp dưới những bóng cây trướng cá hiem hơi để chờ tàu, ra đến đây tôi mới hiểu tại sao người ta lại ra miền Trung mùa này. Chỉ có mùa này biển mới yên, tháng tới và cho đến cuối năm sẽ là mùa giông bão, có khi đảo bị cắt liên lạc với đất liền cả tuần lễ.

Chuyến ra đảo quả là một chuyến đi kinh hoàng, mặc dù ngày nay đã sử dụng tàu cao tốc, nhưng mỗi ngày chỉ có một chuyến, hành khách cả trăm người bị dồn xuống chật cứng các khoang tàu. Cái nắng thiêu đốt từ trên dội xuống, cái nắng gay gắt hắt từ dưới mặt nước lên. Cảng Sa Kỳ không một bóng cây, tàu không nổ máy, phòng cửa kính kín bưng nên cái nóng càng hầm hập và ngột ngạt. Gần một giờ chờ tàu, người nhân viên mới chợt nhớ chưa bật máy điều hòa, đến khi bật máy thì lại càng thấy nóng hơn, có vài người đứng lên kiểm tra, hóa ra nhà tàu đã bật lộn hệ thống... sưởi nóng (heat) ! Khi tàu chạy rồi, người ta không bật máy lạnh nữa mà mở hai cửa bên cánh nên gió biển thổi vào mới đỡ một chút, tuy nhiên cái nóng cũng đủ làm ướt sũng tất cả những gì đang mặc trên mình.

Từ rất nhiều năm trước, anh em tôi đã ra đảo trong những điều kiện còn muôn vàn khó khăn hơn, phương tiện chỉ là chiếc thuyền gỗ. Khi trở về lại Châu Ổ, Quảng Ngãi, gặp các cha già nghe kể chuyện hơn 40 năm cũ, mới hiểu mọi người đã từng trải gian khổ thế nào.

Sau hơn một giờ hải hành, chuyến tàu hải hùng quảng chúng tôi lên đảo, từng đoàn xe ô m hiểu khách đã được chuẩn bị chờ chúng tôi về Nhà Thờ, cái nóng vẫn hầm hập đổ xuống, không một chút gió. Cửa đáng tội, để được sự bình an không sóng gió, người dân ở đây phải chịu đánh đổi bằng cái nóng kinh hồn.

Cả đoàn một phờ phạc, ai nấy kiếm một chỗ tạm dung thân. Có đi đến nơi mới thấy thương anh em mình, anh em chịu đựng suốt từ ngày này qua ngày khác, hết năm này qua tháng khác, thậm chí có cha còn bị trục xuất khỏi đảo và ngôi Nhà Thờ đã phải vắng bóng Linh Mục nhiều năm.

Nghe một cha trẻ kể chuyện, khi trước còn là sinh viên, anh em mùa hè ra đảo chọn sống cảnh nghèo, khi ghe chở đoàn vừa cập bến, tất cả được đưa ngay vào đồn "làm việc", kết quả là các sinh viên Tu Sĩ bị trục xuất lập tức ra khỏi đảo. Kinh nghiệm chuyển đi ra bằng ghe bão bùng, anh sinh viên trẻ này lấy thuốc chống say sóng ra uống ngay, nhưng tất cả lại bị trục xuất khỏi đảo bằng canô cao tốc của Công An nên khi vào đến bờ rồi thuốc mới có tác dụng, báo hại anh sinh viên ngầy ngật cả ngày. Kể ra cũng còn lời chán, tự đứng được đi một chuyến "du lịch bất đắc dĩ" bằng canô hiện đại miễn phí !

Chúng tôi có dịp ngồi nghe các bậc trưởng thượng tâm sự, ngày ấy khi chiến sự ác liệt, vị Bề Trên bay vội từ Sài Gòn ra hỏi ý anh em: "Bây giờ chiến tranh căng thẳng, anh em muốn vào Sài Gòn hay ở lại ? Nếu anh em muốn vào thì thu xếp hành trang ngay, sẽ liên lạc để có một chuyến bay đón anh em vào". Sau khi cầu nguyện anh em quyết định ở lại, tất cả ôm lấy nhau khóc và chia tay. Năm ấy có hai anh em phải nằm lại vĩnh viễn trên mảnh đất nghèo nàn gian khổ miền Trung. Tử thương vì bom đạn, cả hai trước giờ nhắm mắt còn nói với anh em: "Xin chôn con ở miền truyền giáo, giữa anh em mình".

Một anh em trẻ chia sẻ: "Trở lại miền đất bao năm qua thiếu vắng sinh hoạt, con như được an ủi, khích lệ và can đảm khi nhìn thấy ngôi mộ của anh em mình nằm giữa núi rừng hoang vu, tuy lạnh lẽo đơn độc nhưng mạnh mẽ và ấm áp lạ thường, chúng con biết có người đã làm hạt lúa gieo vào mảnh đất hoang sơ này cho chúng con thực hiện việc gieo gặt hôm nay".

Bao năm trôi qua rồi, nhắc lại kỷ niệm xưa, đôi mắt của cha già vẫn còn ngấn lệ, giọng ngài nghẹn lại vì xúc động. Làm mục tử, anh em không thể bỏ đoàn chiên của mình, gian khổ hiểm nguy đến mấy cũng không thể làm cho phải chia cắt. Khi hoàn cảnh éo le, người ta trục xuất, mình đành lặng lẽ ra đi, khi tình hình êm thuận lại tìm cách quay về, đoàn chiên có tan tác nhưng khi có chủ chăn liền tập hợp lại ngay. Cha thương con nhiều hơn vì con vẫn trung kiên, con thương cha nhiều hơn vì cha không bao giờ bỏ rơi con...

Vâng, tình thương và lòng nhiệt thành thách thức Sự Dữ !

Lm. VĨNH SANG, DCCT, 22.7.2012 (Ephata 519)

3 tuần sau biến cố đau thương ở Con Cuông

VỀ MỤC LỤC

HUẤN LUYỆN TRƯỞNG GIA ĐÌNH: NHỮNG ĐỨC TÍNH CỦA TRƯỞNG LÃNH ĐẠO GIA ĐÌNH

1. LỜI CHÚA:

Chúa phán "Anh em gọi Thầy là "Thầy", là "Chúa", điều đó phải lắm. Vì quả thật Thầy là Thầy là Chúa. Vậy nếu Thầy là Chúa, là Thầy mà còn rửa chân cho anh em, thì anh em cũng phải rửa chân cho nhau. Thầy đã nêu gương cho anh em, để anh em cũng làm như Thầy đã làm cho anh em" (Ga 13,13-15).

2. CÂU CHUYỆN:

VỊ BÁC SĨ GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐÁNH GIÀY

Cùng với ông bố và người em, bác sĩ SA-RI MAY-Ô (Charles Mayo) đã xây bệnh viện May-ô rất nổi tiếng ở Rô-sét-tơ (Rochester), thuộc tiểu bang Mi-nê-dô-tơ (Minnesota) Hoa Kỳ.

Lần kia, một phái đoàn y khoa được cử đến thăm bệnh viện. Theo tục lệ ở đây, quý khách khi về phòng ngủ sẽ để giày của mình trước cửa phòng, và bệnh viện sẽ cho nhân viên đến

mỗi phòng để đánh bóng các đôi giày ấy. Tối ngày hôm đó, bác sĩ May-ô làm việc trễ và trở về phòng sau cùng. Ông thấy các đôi giày của khách để trước cửa các phòng vẫn chưa được nhân viên phụ trách đến đánh bóng như mọi khi! Có thể họ quên chăng? Thế là ông liền đi kiểm tra và bần chải, rồi lần lượt đến trước cửa mỗi phòng đánh bóng các đôi giày khách để ở đó. Nhân viên phụ trách đánh giày cho khách hôm đó đi làm nhiệm vụ vào lúc nửa đêm, anh ta rất ngạc nhiên khi thấy vị bác sĩ giám đốc bệnh viện vẫn đang say sưa đánh bóng những chiếc giày cuối cùng cho các vị khách quý.

Câu chuyện bác sĩ giám đốc đánh giày đã trở thành một huyền thoại! Bác sĩ May-ô được mọi người ca tụng không những vì tài chữa bệnh, vì những công trình y khoa lớn lao đem lại ích lợi nhiều cho nền y khoa nói chung, mà còn vì đời sống khiêm tốn bình dị của ông. Ông không nề hà làm bất cứ việc gì, dù nó không xứng với địa vị giám đốc của ông.

3. SUY NIỆM:

Người lãnh đạo thường có tâm lý muốn được "ăn trên ngồi trước", được hầu hạ và ca tụng. Còn các mục tử Nước Trời của Chúa Giêsu không được có thái độ như vậy:

1) Trưởng cần biết khiêm tốn phục vụ người dưới: Đức Giêsu, xưa đã hạ mình rửa chân cho môn đệ và dạy các ông bài học sau đây: *"Anh em gọi Thầy là "Thầy", là "Chúa". Điều đó phải lắm. Vì quả thật Thầy là Thầy là Chúa. Vậy nếu Thầy là Chúa, là Thầy mà còn rửa chân cho anh em, thì anh em cũng phải rửa chân cho nhau. Thầy đã nêu gương cho anh em, để anh em cũng làm như Thầy đã làm cho anh em"* (Ga 13,13-15). Lần khác Đức Giêsu cũng dạy các ông bài học phục vụ tha nhân noi gương Người: *"Con người đến không đòi người ta phục vụ, nhưng để phục vụ người ta và hiến mạng vì bạn hữu của mình"* Trưởng cần lên kế hoạch sinh hoạt và phân công rồi động viên kiểm tra tiến độ thi công. Trưởng tránh xen vào việc của người khác, trừ khi cấp bách để tránh ảnh hưởng không tốt đến việc chung. Khi cần, Trưởng cũng phải dẫn thân làm những việc mà người dưới thiếu sót.

2) Trưởng không tranh giành địa vị, cũng không tham quyền cố vị: Khi bà mẹ các con ông Dê-bê-đê đến gặp Đức Giêsu và xin Người cho hai con bà là Gia-cô-bê và Gio-an được ngồi một đứa bên tả một đứa bên hữu Thầy trong Nước mà Thầy sắp lập, thì Đức Giêsu lại không chấp thuận, nhưng Người lại trao chén đắng cho các ông và sau đó dạy các ông bài học phải khiêm nhường phục vụ noi gương Người: *"Ai muốn làm lớn giữa anh em, thì phải làm người phục vụ anh em. Và ai muốn làm đầu anh em thì phải làm đầy tớ anh em"* (Mt 20,26-27). Trưởng cần chọn người phó kế thừa và tạo điều kiện để người này làm việc để thêm kinh nghiệm và có uy tín đủ khả năng thay thế mình khi cần. Khi gần đến ngày mãn nhiệm, Trưởng cần chủ động họp bàn để tổ chức bầu cử tìm những người nhiệt tình, có đủ khả năng và uy tín để lên thay thế.

3) Trưởng cần hiền lành và khiêm tốn: Cần luôn hiền hòa với mọi người, khiêm tốn tiếp thu ý kiến phê bình xây dựng của người khác để kịp thời sửa chữa những khuyết điểm và canh tân phương pháp làm việc ngày một hiệu quả hơn. Cần áp dụng lời người xưa: *"Ai khen ta mà khen phải thì là bạn ta. Ai chê ta mà chê phải thì là thầy ta. Còn kẻ nịnh hót ta, đó chính là kẻ thù của ta vậy"*. Sau khi hoàn thành công tác, Trưởng cần khiêm tốn tự nhủ mình theo lời Chúa dạy: *"Chúng tôi là những đầy tớ vô dụng. Chúng tôi đã chỉ làm việc bốn phận đầy thôi"* (Lc 17,10b).

4) Trưởng cần nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm cao: Trưởng cần nêu gương sáng chu toàn các bốn phận đạo đức hằng ngày đối với Thiên Chúa và hăng hái đi đầu trong việc thực tập sống bác ái yêu thương theo gương mẫu và lời dạy của Chúa Giêsu. Trưởng cần làm mọi việc với tinh thần trách nhiệm cao để được lòng cấp trên và gây uy tín với cấp dưới.

5) Trưởng cần tránh thói độc đoán: Cần xử lý công việc theo Luật Sống quy định. Tránh tự quyết định mọi việc nhất là về tài chánh. Trưởng nên tham khảo ý kiến đa số trước khi quyết định. Khi đạt kết quả tốt, Trưởng cần coi là do công sức chung. Nếu bị thất bại, Trưởng không đổ lỗi cho người dưới, nhưng khiêm tốn nhận lỗi và tìm cách khắc phục. Khi phân công cho các thành viên, Trưởng cần ăn nói tế nhị nhờ cậy thay vì ra lệnh. Tránh trao quá nhiều việc khiến người thiện chí dễ bị chán nản thối lui.

6) Trưởng tránh sự cường điệu: Đừng làm "chuyện bé xé ra to", hoặc "chuyện không đáng gì mà làm ầm ĩ", Cần áp dụng nguyên tắc xử lý: Khi người dưới sai sót lớn, hãy coi là chuyện nhỏ. Gặp những khuyết điểm nhỏ hãy coi như không có gì. Cần áp dụng nguyên tắc:

“Tội quy vu trường” nghĩa là các sai sót của người dưới đều có phần trách nhiệm của Trưởng. Do đó, khi bị thất bại, Trưởng cần “Tiên trách kỷ, hậu trách nhân” - Tự trách mình trước khi trách người.

7) Trưởng cần tôn trọng người dưới: Tránh xưng hô “mày tao” hay ăn nói bỗ bã tục tĩu khiến người nghe khó chịu. Khi thấy ai làm lỗi, Trưởng tránh công khai sửa lỗi khiến họ bị chạm tự ái, nhưng cần sửa lỗi tế nhị kín đáo như Chúa dạy (x Mt 18,15-20).

8) Trưởng cần trọng dụng nhân tài: Cần khám phá ra những người nhiệt tình và có khả năng để trọng dụng. Nên nhớ rằng: “Ngựa chứng là ngựa hay!”, nên cần kiên nhẫn chịu đựng những khuyết điểm nhỏ của người tài, và khéo léo sử dụng họ trong lãnh vực chuyên môn của họ. Trưởng cần khen ngợi thành thật và đúng lúc về các cố gắng của cấp dưới. Nên chuẩn bị có lớp Trưởng kế thừa bằng việc cử người có khả năng đi tham dự các khóa huấn luyện Trưởng và trao trách nhiệm để họ có dịp thực tập những điều đã học.

4. LỜI CẦU:

LẠY CHÚA GIÊSU. Xin giúp chúng con thấm nhuần bài học khiêm tốn yêu thương của Chúa. Xin cho chúng con luôn quên mình để biết nghĩ đến người khác. Xin biến đổi chúng con nên mục tử tốt noi gương chúa xưa, sẵn sàng khiêm tốn phục vụ tha nhân, nhất là phục vụ những người bệnh tật, nghèo đói và bị bỏ rơi. Xin cho chúng con ý thức rằng: “Chính khi hiến thân phục vụ tha nhân là lúc con được nhận lãnh hồng ân của Chúa. Chính lúc quên mình là lúc con đang làm lợi cho bản thân. Chính khi loại bỏ các đam mê bất chính và các tội lỗi xấu xa, là chúng con được sống lại cuộc sống vị tha bác ái, và chắc chắn sẽ được Chúa ban hạnh phúc Nước Trời đời sau.- AMEN.

LM ĐAN VINH

www.hiephoithanhmau.com

VỀ MỤC LỤC

CON NGỰA

Chuyện kể rằng, trong những con vật nuôi yêu quý của Ngọc Hoàng, ngựa được nhìn nhận là con vật đẹp và khỏe mạnh, dầu vậy, con ngựa lại không hài lòng về chính nó. Một hôm, con ngựa thưa với Ngọc Hoàng, “Thưa ngài, ngài đã tạo con nên một thân hình đẹp, nhưng con muốn là ngài hãy làm cho con đẹp thêm nữa.” “Ta sẵn sàng làm cho con đẹp hơn nữa, nhưng hãy cho ta biết điều gì có thể làm cho con đẹp thêm hơn?” Ngọc Hoàng đáp. Con ngựa trả lời, “Con thấy thân hình của con không cân xứng, cái cổ của con hơi ngắn, chân của con chưa cao đủ. Vậy ngài có thể làm cho cổ con dài thêm và chân của con cao thêm có được không?” Được thôi, ngay tức thì cái cổ và đôi chân của con ngựa được thay thế bằng cổ và chân của con lạc đà. Sau khi nhìn ngắm chính mình, con ngựa rất thất vọng. Nó liền hoảng hốt kêu to, “Thưa Ngọc Hoàng, con chỉ muốn làm con ngựa có cổ và chân cao, chứ không muốn mang hình dáng con lạc đà xấu xí.” “Nhưng đó là những gì con van xin ta,” Ngọc Hoàng đáp. “Vậy hãy cho con trở lại tình trạng ban đầu.” Chú ngựa van xin. Ngọc Hoàng đáp, “Nên nhớ, hãy khiêm tốn và đừng bao giờ kiếm tìm hay khao khát điều mà vị trí và chức phận của con không cho phép con có được. Nếu con chạy theo những khao khát bất tận ấy, con sẽ không biết những khao khát này sẽ dẫn con đi đến đâu. Hãy nhớ sự cân đối đã có sẵn trong con, hãy khám phá và phát triển nó thêm hoàn mỹ; đừng tưởng rằng những khao khát ấy sẽ làm con thêm hoàn mỹ.”^[1]

* * *

Khiêm tốn là vắng bóng kiêu ngạo. Hơn thế nữa, kiêu ngạo thường dẫn con người vào vòng suy nghĩ cạnh tranh hơn thua. C.S. Lewis chỉ ra rằng, tự bản chất, đặc tính của kiêu ngạo chính là sự cạnh tranh hơn thua. “Chúng ta cho rằng, có người hãnh diện về sự giàu có, tài năng, sắc đẹp, nhưng thực ra còn hơn thế nữa. Những người này hãnh diện vì họ giàu có hơn, tài năng hơn, và đẹp hơn những người khác... Vì thế, khi yếu tố cạnh tranh hơn thua không còn nữa, thì kiêu ngạo cũng biến mất theo.”^[2]

Khiêm tốn không phải là sự nhu nhược nhưng đúng hơn đó là sự nhận ra giá trị thật của mình. Con người mình ra sao, thì mình nhìn nhận như vậy; vì thực ra trong thân phận làm người, điều mà người này cho là khuyết điểm, nó có thể trở thành ưu điểm cho người khác. Tính trầm lặng ít nói của một ai đó có thể trở thành sự bất lợi trong một số hoàn cảnh, nhưng nó cũng có thể làm điểm mạnh cho người ấy trong những hoàn cảnh khác. Sự nổi danh của một người cũng có thể là điểm tốt trong hoàn cảnh này, nhưng nó cũng có thể làm cản trở cho anh ta trong những hoàn cảnh khác. Hiểu như thế chúng ta mới thấy rằng, bản chất thật của con người thì quý trọng hơn những giá trị chóng qua bên ngoài. Vì thế, tập luyện sống khiêm tốn đúng mức sẽ giúp chúng ta đi tới sự thật ấy. Khiêm tốn sẽ sinh hoa quả bình an, tự tại.

* * *

Với lời khuyên trong câu chuyện *Con ngựa*, “Hãy khiêm tốn và đừng bao giờ kiêu ngạo hay khao khát điều mà vị trí và chức phận của con không cho phép con có được;” hôm nay ta học thêm một bài học về sự khiêm tốn qua sự đón nhận sự thật về mình. Nếu con ngựa biết nhận ra giá trị sẵn có của mình, nó không cần cố thêm cao và chân thêm dài. Nếu ta nhận ra đặc tính của Chân – Thiện – Mỹ sẵn trong ta, ta không cần phải trang điểm thêm những gì không thuộc về ta. Giá trị Chân – Thiện – Mỹ luôn sẵn có trong mỗi người. Có những người sống càng lâu thì họ càng phản ánh những đặc tính này rõ nét hơn qua lời nói, cử chỉ, và việc làm; còn một số người khác thì ngược lại. Thực ra, tự trong tâm của mỗi người, không ai muốn mình ăn nói, cư xử, và hành động ngược lại với những giá trị Chân – Thiện – Mỹ, nhưng thật cũng không dễ dàng khi cố gắng sống theo những giá trị ấy hằng ngày trong đời thường của mình. Sống theo giá trị Chân – Thiện – Mỹ cũng là lời mời từ bỏ cái tôi. Hay nói cách khác, khi ta uốn mình vào khuôn khổ để sống theo giá trị của Chân – Thiện – Mỹ, ta chấp nhận khiêm tốn bỏ mình. Chính vì điều này, nhiều người thừa nhận rằng, trong các đức tính nhân bản, đức tính khiêm tốn là đức tính căn bản và quan trọng nhất; vì sống khiêm tốn giúp ta đụng chạm tới giá trị thật của con người mình.

* * *

Trong tác phẩm võ hiệp lừng danh của Kim Dung, *Tiểu Ngạo Giang Hồ*, có lẽ nhân vật cho chúng ta ngưỡng mộ về đức khiêm tốn chính là Phương Chứng Đại Sư. Dù với võ nghệ tuyệt tác cộng thêm nội lực thâm hậu nhờ luyện tập Dịch Cân Kinh, nhưng Đại sư luôn luôn lấy cái tâm làm gốc. Đại sư luôn biết mình và biết người. Nhờ biết rõ về chính mình, Đại sư luôn hành xử phù hợp trong mọi hoàn cảnh, kể cả những lúc cần phải dùng võ công để phân rõ thật hư. Trong cuộc trò chuyện với Tả Lãnh Thiền – chưởng môn phái Tung Sơn, câu nói của đại sư làm cho chúng ta phải suy nghĩ, - *Sống ở đời, người ta biết đến tài năng của mình thật là khâm phục, nhưng càng bội phục hơn khi cố dấu đi những tài năng ấy.*^[3]

Thưa bạn, sức mạnh của con người nằm ở chỗ nhận biết về sự thật của mình. Khiêm tốn sẽ giúp bạn nhận ra chính bạn rõ hơn và thật hơn.

Br. Huynhquảng

[1] *Lược dịch của Sri Chinmoy* http://www.writespirit.net/stories_tales/stories_by_sri_chinmoy/humility_versus_pride/the_horse_that_wanted_more_beauty/index.html (accessed May 15, 2012)

[2] Lược dịch từ, C.S. Lewis, <http://artofmanliness.com/2008/05/25/the-virtuous-life-humility/> (accessed May 20, 2012)

[3] Tóm lại theo giọng thuyết minh phim *Tuyển Ngạo Giang Hồ*.

Gs. Trần Văn Toàn

Bài đăng ở tập san Định Hướng

3- Thời kỳ làm chính trị (1845-1883)

Marx đã nói nhiều lần là thời kỳ phê bình tôn giáo đã chấm dứt, và từ nay thay vì phê bình những cái dở hơi ở trên trời, thì phải phê bình những cái ngang ngược ở dưới đất, trong phạm vi kinh tế và chính trị, không phải lấy phê bình làm khí giới, nhưng lấy khí giới mà phê bình. Chính vì tôn giáo được coi là phản ánh trên trời của những cái ngang ngược ở dưới đất, cho nên nó không có thực chất. Marx thấy từ đây không cần bàn luận gì thêm nữa. Tôi xin đưa ra đây hai cách nhắc đến tôn giáo trong thời kỳ này.

Cách thứ nhất là khi nói đến tôn giáo thì nhắc lại rằng nó chỉ là phản ánh của thực tại, chứ tự nó không có thực chất. Năm 1850, nhân dịp Georg Friedrich Daumer (1800-1875)^[47] cho xuất bản ở Hamburg cuốn sách *Tôn giáo của thời đại mới (Die Religion des neuen Weltalters)*, Marx viết trong *Nhật báo miền sông Ranh – Bộ mới (Neue Rheinische Zeitung)*, số 2, tháng 2 năm 1850, một bài điểm sách, trong có những câu sau đây : “Chính vì nông cạn mà không biết xấu hổ như thế cho nên ông Daumer mới có thể quên bẵng đi rằng cái thế giới thượng cổ ngày xưa đã phải hoàn toàn sụp đổ rồi mới có đạo Thiên Chúa là phản ánh của nó, còn cái thế giới mới thì nó không phát sinh từ trong đạo Thiên Chúa mà ra, nhưng cũng phải có quân Hung-nô(Hunnen) và quân Ghe-man (Germanen / Nhật-nhĩ-man) từ ngoài đổ lên cái xác chết của đế quốc Rôma đã thì mới có nó ; khi quân Ghe-man vào xâm lấn (đế quốc Roma) thì không phải là cái thế giới mới đã hướng về đạo Thiên Chúa, nhưng ngược lại chính đạo Thiên Chúa mới tùy theo tình trạng mới của thế giới mà biến chuyển (...) Như thế đã rõ là mỗi khi tình trạng xã hội có những đảo lộn sâu rộng trong lịch sử, thì đồng thời tư tưởng và quan niệm của người ta, kể cả những quan niệm tôn giáo, cũng theo đó mà đảo lộn cả” ^[48].

Như thế có nghĩa là phải có thực tại mới, rồi mới có phản ánh của nó. Dĩ nhiên là trừ trường hợp ngoại lệ của ... cộng sản, vì trong lúc thực tại cộng sản chưa có, thì đã có ... phản ánh của nó, là lý thuyết cộng sản rồi, và từ lâu rồi !

Cách thứ hai là khi nói đến tôn giáo thì lên tiếng nhắc nhở cho một hồi. Marx viết trong tờ *Báo của người Đức ở Brussel (Deutsche Bruesseler Zeitung)*, số 73, ngày 12 / 09 / 1847 một bài đề là “Thuyết cộng sản của tờ báo *Quan sát viên miền sông Ranh (Rheinischer Beobachter)*”, trong đó có bản cáo trạng khá hùng hồn sau đây : “Cho đến nay đạo Thiên Chúa đã có mười tám thế kỷ để phát triển những nguyên tắc xã hội của mình, chứ không cần các nghị viện hội đồng nước Phổ tu bổ thêm. Các nguyên tắc xã hội của đạo Thiên Chúa đã biện chính cho chế độ nô lệ thời Thượng cổ, chế độ nông nô thời Trung cổ, và nếu cần thì cũng biện chính cho chế độ bóc lột vô sản, tuy vẫn có vẻ như là bất đắc dĩ. Các nguyên tắc xã hội của đạo Thiên Chúa dạy người ta rằng cần phải có một giai cấp thống trị và một giai cấp bị đè nén, và để vượt vát thì chỉ đưa ra được một cái ước vọng suông là giai cấp trước biết từ bị bóc lột đối với giai cấp sau. Các nguyên tắc xã hội của đạo Thiên Chúa muốn bồi thường cho những người bị bóc lột mà ông nghị viện đã nhắc tới, nhưng lại bồi thường ở trên trời, và vì thế cứ để cho những điều bất nhân như thế tồn tại ở dưới đất. Các nguyên tắc xã hội của đạo Thiên Chúa tuyên bố rằng những điều hèn hạ mà giai cấp này làm để đàn áp giai cấp kia, thì hoặc đó là hình phạt xứng đáng với tội tổ tông truyền, hoặc đó là cách thức Đức Chúa khôn ngoan vô cùng có ý dùng để thử thách những người mà ngài cứu độ. Các nguyên tắc của đạo Thiên Chúa dạy người ta nhát gan, tự ti, tự hạ, nô lệ, khiêm nhượng, tóm lại là dạy tất cả những đặc tính của phường đều cang ; trái lại, giai cấp vô sản không chịu để cho ai coi mình là phường đều cang, cho nên cần phải có can đảm, phải ý thức được phẩm giá của mình, biết hãnh diện, biết có tinh thần độc lập, và cần như thế hơn là cần cơm cần bánh bội phần. Các nguyên tắc xã hội của đạo Thiên Chúa là những nguyên tắc của bọn nhu nhược, trái lại giai cấp vô sản có tinh thần cách mệnh.” ^[49].

Đây không phải là chỗ trả lời. Chỉ cần nhắc lại rằng trong các các nước dân chủ thì tòa án, một là phải kiểm tra xem bản cáo trạng đúng hay sai như thế nào, hai là phải theo nguyên tắc của pháp luật : “audiatur et altera pars” nghĩa là : phải nghe cả bên bị nữa.

4- Một vài nhận xét tổng quát

4.1-Ý nghĩa chữ “phê bình”

Thường thường khi chúng ta bình luận về cái gì, khi chúng ta làm công việc của người phê bình văn học hay văn chương, thì phê bình có nghĩa là cân nhắc và phân biệt cái gì hay, cái gì dở, đâu là phải, đâu là trái, theo những tiêu chuẩn nhất định để đánh giá các sự vật cũng như các nhân vật.

Quan điểm của Marx và một số người đương thời lại khác hẳn : phê bình không còn có nghĩa là phê phán một cách trung lập, không thiên vị, nhưng có nghĩa là tấn công, không những tấn công bằng bài vở, bằng miệng lưỡi (chửi mắng), nhưng thực ra còn phải phê bình bằng khí giới, như đã nói trên đây.

Vì thế phê bình ai tức là tấn công người ấy, phê bình tôn giáo tức là tấn công tôn giáo vậy.

4.2- Nghiên cứu tôn giáo

Ngày nay khi chúng ta nói đến việc nghiên cứu tôn giáo, thì ai nấy biết là tìm hiểu tôn giáo, không những đứng ngoài trông vào một cách khách quan, theo những lối nhìn riêng của từng khoa học, như : lịch sử, xã hội học, kinh tế học, chính trị học, v.v. ; mà hơn nữa còn tìm cách nhìn sự kiện tôn giáo từ bên trong, theo quan điểm của chủ thể, của người trong cuộc.

Tìm hiểu từ bên trong, đây là một điểm quan trọng, vì ai cũng biết rằng trong đời sống thường nhật, người ta không phản ứng tùy theo như sự kiện khách quan như khoa học cho biết, nhưng phản ứng theo như ý nghĩa mình gán cho các sự kiện, và theo như ý nghĩa mà mình tưởng là người khác gán cho sự kiện.

Xin đan cử một ví dụ : tìm hiểu thế nào là tình yêu. Khi thấy có hai người xít lại gần nhau, nhà vật lý học đứng ngoài trông vào có thể hiểu theo định luật Newton, là : *vạn vật tương hấp*, các sự vật có hấp lực, hút nhau nhiều hay ít là tùy theo trọng lượng của đôi bên, và gần hút mạnh, xa hút yếu. Nhà chính trị học thấy các cuộc hôn nhân giữa các vua chúa đời xưa thường chỉ là những cuộc thương lượng về chính trị để tránh việc binh đao, và đôi khi để chia cắt đất đai và ổn định biên cương. Nhà xã hội học có thể coi nhiều đám cưới như là những cuộc dàn xếp về tài sản, ruộng đất. Huyền thoại Hi Lạp kể trong bài đối thoại của Platon, *Bữa tiệc (Symposion = cuộc hội đàm)*, cho rằng ngày xưa, người ta có bốn tay, bốn chân, hai thân dính và nhau và hai đầu quay ra hai phía ; thế rồi bị Thiên-vương Zeus phạt, bắt phải xẻ dọc làm hai, rồi từ đó về sau, người ta có hình vóc như bây giờ, nhưng vẫn nhớ mang máng là mình còn một bán-thân khác, phải đi tìm cho được để lại kết đôi thì mới thật là người. Người Việt Nam ta cũng có truyện ông tơ bà nguyệt, truyện xích thằng là dây đỏ buộc vợ chồng với nhau. Nhà sinh lý học và nhà tâm lý học thực nghiệm có thể nghĩ rằng có những yếu tố hóa học hay là sinh lý gây ra cho người ta có những nhu cầu, những dục vọng phải thỏa mãn cho yên truyện. Nhưng nếu không phải là chủ nhân ở trong cuộc, thì các lối giải thích như thế có làm cho ta hiểu tình yêu là gì đâu.

Về tôn giáo cũng thế. Ngày nay cóu khá nhiều khoa học khách quan tìm hiểu tôn giáo từ bên ngoài. Lại có những khoa học tìm hiểu từ bên trong, như : tâm lý học và phân tâm học. Nhưng rồi cũng không thể bỏ không xét đến chủ nhân trong cuộc là người tín hữu. Nhưng đây là vấn đề rất mệnh mông không thể đề cập trong giới hạn bài này [\[50\]](#).

Về những nghiên cứu của Marx về tôn giáo, ta đã thấy là nó hạn hẹp vào triết lý của Feuerbach, của Hegel, và vào một cái nhìn cũng hạn hẹp về kinh tế. Đó là về phần nghiên cứu khách quan. Xét về phần chủ quan thì, như ta thấy trong bản cáo trạng trên đây, Marx không có cảm tình với tôn giáo, nhất là với đạo Thiên Chúa. Có người cho là vì Marx không có tình cảm tôn giáo. Tôi không dám chắc như thế, nhưng chắc một điều là ông không có những tình cảm tôn giáo như đồng chí Engels, làm cho ông này có một thời kỳ phải xáo động tâm thần, hoài nghi, không biết thế nào là nên hay chẳng. Vì thế dù sao Engels cũng còn chút cảm tình với đạo Thiên Chúa nguyên thủy, và ông tìm đọc về lịch sử đạo Thiên Chúa, mà ông cho là đã đi tiên phong, báo trước được ý thức cộng sản. Trái lại Marx không có hoài nghi gì cả. Vì thế thiết tưởng ông không có thể hiểu tôn giáo từ bên trong. Như tôi đã trình bày khi nói về hành trình vô thần của Marx, ông đã đọc khá nhiều sách về tôn giáo trong khi ông soạn luận văn tiến sĩ triết học, nhưng lại chỉ đọc những sách phê bình và phi bác tôn giáo, chứ không đọc những chứng nhân của tôn giáo. Đặc biệt nhất là Marx đã bỏ không tham khảo sách vở của tín hữu viết trong hơn một nghìn rưỡi năm (từ cuối thời Thượng cổ cho đến hết thời Phục hưng). Cho nên phần tài liệu khách quan của Marx cũng hạn hẹp. Thực ra Marx muốn hoạt động ngay và không có thì giờ để tìm hiểu, và rồi “vô tri bất mộ” là như thế.

4.3-Chủ trương nhân-bản hay là duy-nhân-bản

Khi phê bình tôn giáo, Marx đứng trên lập trường nhân bản, lấy con người làm gốc, làm trung tâm. Một số người cho rằng ai nấy phải chọn một trong hai ngã : nếu Đức Chúa là căn bản, thì con người không có thực chất, nếu con người là trung tâm thì Đức Chúa phải “ra rìa”. Nhưng vấn đề có lẽ không đơn sơ như thế.

Thực vậy, tôn giáo cổ sơ dù sao cũng đã là “nhân bản”, lấy con người làm gốc. Đó là điều mà triết gia Feuerbach đã tìm cách minh chứng. Một số triết gia Âu châu thời Thượng cổ chủ trương rằng vì sợ hãi mà người ta tạo ra thần linh. Đứng trước vũ trụ bao la mà mình không hiểu được, không làm chủ được, lại thấy mình nhỏ bé, cho nên người ta nghĩ rằng có các thần linh cao sang, có quyền thế hơn mình, và mình có thể cầu đảo hay là dùng thần chú để sai khiến được. Feuerbach nhận xét rằng như thế con người thực là trung tâm của tôn giáo, còn thần linh chỉ là phương tiện. Để tránh cái vô thần từ loại tôn giáo đó ra ra, thì đã có một vài nhà thần học chủ trương rằng đạo Thiên Chúa *không phải là một tôn giáo* (religion), *nhưng là một tín ngưỡng* (foi). Cũng vì lý do đó, Karl Barth, nhà thần học Thụy-sĩ theo tông phái Tin lành, đã viết một câu có tính cách khiêu khích : “Chúng tôi bắt đầu từ câu này : tôn giáo là vô-tín-ngưỡng ; tôn giáo là một công truyện, và đúng ra phải nói : đó là công truyện của người vô thần” [51].

Đạo Thiên Chúa đã xuất hiện trong môi trường tôn giáo như thế, cho nên cũng phải luôn luôn cảnh giác để tránh không coi Đức Chúa như là phương tiện đạt thân của con người. Trong cuốn sách *Đạo Thiên Chúa thì dùng được việc gì ?*, một tác giả Tin lành khác, là Heinz Zahrnt viết : “Người ta thường hỏi : “Vì sao các ông cần có Thiên Chúa ?”, chúng ta lại cũng thường nghe câu suy nghĩ sau đây : “Người nào tin có Thiên Chúa thì sống dễ dàng hơn, vì người ấy không sợ chết”. Ta có thể trả lời thế này : xét về kết quả trong đời sống thực tiễn – như : có mức sống thoải mái, có địa vị cao đẹp, tu thân cho đắc đạo, giải thích vũ trụ, bảo vệ quốc gia hay là thay đổi xã hội – thì con người không cần có Thiên Chúa. Ai tìm cách minh chứng rằng niềm tin có Thiên Chúa rất là cần thiết, vì nó có ích lợi cho con người, cho xã hội, cho quốc gia, hay là cho khía cạnh nào đó trong đời sống, thì người đó đánh giá quá thấp các năng lực đạo lý, lý trí và sản xuất của con người ; đồng thời người đó còn hạ bệ Thiên Chúa xuống thành một “phương tiện sinh nhai”, và thành kẻ bán đồ phụ tùng để vá víu cho cái đời sống đổ nát của con người” [52]. Đây cũng lại là một lập trường nhân bản nữa.

Marx đứng trong lập trường nhân bản, nhưng không lấy con người cá nhân làm trung tâm ; vì cá nhân vừa có giới hạn trong không gian và thời gian, lại có nhiều điều thiếu thốn, tự mình không thể sống được, cho nên không ai dám có cái tư tưởng “duy ngã độc tôn” được, trừ trường hợp, như Phật dạy : *vạn sự vô ngã*, nghĩa là : đã không có ai cả thì cũng không có “duy ngã độc tôn” được nữa.

Thuyết nhân bản của Marx là lấy con người nhân loại làm trung tâm. Và vì con người nhân loại là thực thể toàn diện, nhờ lao động mà làm chủ được thiên nhiên, làm cho tất cả thiên nhiên có bộ mặt người, và vì thế sống hòa thuận được với mọi người. Như thế thì không cần đặt vấn đề tôn giáo, vấn đề Thiên Chúa làm gì nữa. Và nếu có thật như thế, thì lập trường của Marx không những là nhân-bản, mà còn là duy-nhân-bản nữa, vì ngoài con người toàn diện ra thì ông cho là không có gì khác nữa.

Vậy có thật như thế hay không ? Marx không muốn trả lời một cách lý thuyết, nhưng chủ trương phải lấy thực hành để giải đáp, nghĩa là phải thực hiện cho được con người nhân loại. Vấn đề là : cho tới nay, con người toàn diện như thế, mới chỉ là một mơ ước, chứ chưa phải là một thực tại. Vì như Henri Lefebvre đã nhận định trên đây, còn có rất nhiều cái trong thiên nhiên mà ta chưa làm chủ được, và cũng chưa biết bao giờ làm chủ được. Nhưng đó mới chỉ là trong phạm vi các sự vật. Còn trong phạm vi các liên quan giữa người với người, tức là về liên quan xã hội và chính trị, thì cho đến nay vẫn còn cái cảnh người bóc lột người, người đè nén người. Marx thì lại quá ư lạc quan, cứ tưởng là chỉ cần phá xong chế độ tư sản, thì tự nhiên liên quan giữa người với người phải được ổn thỏa, và rồi cũng không còn cần đặt vấn đề tôn giáo nữa, vì tất cả chỉ là phản ảnh của liên quan kinh tế mà thôi. Đừng nói đến truyện thực hành chưa giải quyết xong, nhưng chỉ nói đến truyện lý thuyết thôi : bảo rằng “chế độ tư bản” là “*người bóc lột người*” còn chế độ cộng sản là ngược lại, thì lại càng không ổn !

Bà triết gia Pháp, Simone Weil, là người đã bỏ nghề dạy triết học, đi làm trong công xưởng, để sống cái thân phận của người công nhân ; bà đã viết năm 1934 trong cuốn sách *Tự do và áp bức* : “Hình như có một cái luật bù trừ huyền diệu, làm cho người ta không có thể làm nhẹ gánh nặng của những đòi hỏi tự nhiên (hay : thiên nhiên), mà đồng thời không làm nặng thêm cái ách của xã hội đè trên vai” [53]. Thực vậy muốn làm chủ được các mãnh lực thiên nhiên, thì cá nhân không làm được bao nhiêu, phải có tổ chức cộng tác với nhau mới có kết quả ; nhưng nói đến tổ chức, tức là nhận rằng phải có người có quyền sai bảo, và có người phải tuân lệnh, không tuân thì bị trừng phạt. Như thế tức là phải đặt vấn đề : ai có quyền sai bảo ai ? và vì lý do nào ? Đó là vấn đề chính trị.

Tuy Marx có tranh đấu cho tự do báo chí và nhiều tự do khác, nhưng ông không đưa ra ý kiến gì để tổ chức xã hội sao cho có công bình, như các triết gia Anh và Pháp, từ Thomas Hobbes (1588-1679), John Locke (1632-1704) đến Montesquieu (1689-1755), và Jean-Jacques Rousseau (1712-1778). Cho nên khi Lênin thành lập chế độ cộng sản ở Liên Xô, thì đã thanh toán chế độ tư sản, nhưng ông không có “cầm nang” để tổ chức chính trị.

Bao lâu vấn đề làm chủ thiên nhiên, làm chủ nhân giới, chưa được thực hành giải quyết xong, thì tất nhiên người ta còn đặt vấn đề tôn giáo. Marx cũng biết như thế. Ngày nay nhiều nhà lãnh đạo cộng sản cũng nhận rằng, trong hiện trạng xã hội, người ta còn có những nhu cầu tôn giáo cần được thỏa mãn, nhưng cần phải kiểm soát cho hợp với công ích, và để tránh mê tín. Dĩ nhiên là thế. Nhưng coi tôn giáo chỉ là một nhu cầu – vĩnh viễn hay tạm thời, cũng vậy – tức là vẫn coi con người là trung tâm của vũ trụ, và tôn giáo chỉ là một phương tiện, nghĩa là tôn giáo không có bản chất gì cả.

Nhưng nếu Thiên Chúa và tôn giáo là cái gì khác, chứ không phải là phương tiện, không phải là thuốc an thần cho những tâm hồn bối rối, sợ sệt trước vũ trụ bao la, trước bộ máy xã hội có áp lực ghê gớm, mà mình không làm chủ được – như Karl Barth và Heinz Zahrnt đã nói trên đây – thì vấn đề Thiên Chúa và tôn giáo hay là tín ngưỡng, cần phải đặt lại, bên ngoài khuôn khổ hẹp hòi của Marx. Nhưng đây lại là một vấn đề khác.

Lambersart, 12 / 07 / 2003

Lời nói thêm

Bài này đã được đăng trong tạp chí *Triết Đạo (Journal of Vietnamese Philosophy and Religion, Vienna, VA, USA)*, năm 3 (2003), số 5, trang 66-103. Sau đó tôi có viết tiếp trong tạp chí đó (số 8, năm 4 (2004), trang 111-127) một bài khác, là “Vô thần và tôn giáo”, rồi lại viết thêm sang tiếng Việt bài “Hành trình vô thần của Karl Marx khi còn thanh niên, qua những sách đọc tham khảo về tôn giáo”, dài chừng hơn 50 trang (bài này chưa in).

Tháng 12 năm 2008 vừa qua, nhân dịp tiếp xúc với một lớp sinh viên Cao học về tôn giáo tại Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo, thuộc Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, tại Hà Nội, đã có hai người hỏi tôi cùng một câu hỏi : tôi là người theo đạo Ki-tô, có theo học môn thần học, đồng thời lại nghiên cứu tư tưởng Karl Marx từ năm 1954, thế tôi có ý kiến gì về quan niệm vô thần của Karl Marx.

Đại khái tôi đã trả lời như sau :

Trước hết : Trong số sách vở viết ra thật là nhiều của Marx, hầu hết là về kinh tế, xã hội và chính trị, tôi chỉ tìm thấy chừng độ hai trang viết về tôn giáo : một trang đưa ra mấy lập luận sơ sài, một trang thì chỉ đưa ra những khẩu hiệu để làm tuyên ngôn, ví dụ : tôn giáo là thuốc phiện mê hoặc dân chúng.

Sau đó : có điều đáng chú ý, là : đại đa số các tác phẩm quan trọng của Marx đều có ghi là “phê bình”, ví dụ như phê bình triết học của Hegel, phê bình kinh tế chính trị, vân vân ; tuy vậy ông không có dành riêng cuốn sách nào cho việc phê bình tôn giáo cả. Nhưng đó không phải là không có lý do. Nhiều người cho rằng chính trong năm 1841, là năm Marx đậu tiến sĩ triết học, thì Feuerbach cho xuất bản cuốn sách *Bản chất đạo Thiên Chúa (Ki-tô)* ; đọc xong cuốn sách này, Marx và đồng chí Engels rất hào hứng, và chủ trương rằng phê bình tôn giáo như thế là đủ lắm rồi, cho nên sau khi đã phê bình trên trời rồi, thì nay đã đến lúc phải phê bình dưới đất, nghĩa là phê bình kinh tế, xã hội và chính trị. Marx đã kính cẩn viết thư cho Feuerbach xin cộng tác, nhưng Feuerbach khước từ vì cho rằng phê bình tôn giáo như thế vẫn còn là chưa đủ, và ông cứ tiếp tục làm việc đó cho đến hết đời, và đã viết thêm hai tác phẩm nữa để phê bình tôn giáo. Từ đó Marx bắt đầu phê bình Feuerbach và kể là không còn để ý đến tôn giáo nữa.

Sau cùng thì : Trong khi biên soạn luận văn tiến sĩ, Marx đã đọc một ít sách phê bình tôn giáo, và ông ghi chép rất cẩn thận. Có điều là những sách tham khảo đó thuộc về thời Thượng cổ Hi Lạp và Rô-ma, và về thời Cận đại ; còn suốt 14 thế kỷ sau Tây lịch kỷ nguyên thì không thấy Marx ghi chép gì cả. Có lẽ là vì ông không đọc gì cả ? Và không đọc thì có lẽ là vì ông theo tiên kiến của thời Khai minh (Aùnh sáng, Lumières, Aufklaerung), mà cho đó là những thế kỷ ngu si, không cần đếm xỉa tới ? Cái tiên kiến đó vẫn còn kéo dài, cho nên nhiều người không biết rằng thời Trung cổ đó chính là lúc các dân tộc Âu châu, sau khi phá vỡ đế quốc Rô-ma, thì đã đi từ chỗ kém văn hóa, đến chỗ ra sức học tập lấy văn hóa cổ điển của Hi Lạp và Rô-ma, lúc đó còn được duy trì trong các tu viện đạo Ki-tô. Nếu không học được cái căn bản như thế thì sao có thể có phong trào Phục hưng văn hóa cổ điển, rồi đi tới phong trào Khai minh ?

Có thể nói là tài liệu tham khảo của Marx về tôn giáo còn nhiều thiếu sót, và cái thiếu sót nhất là ở chỗ Marx chỉ là người ngoài cuộc, có cái nhìn tập trung vào khía cạnh kinh tế, chứ không nhắm vào yếu tố tâm lý của tôn giáo, như Feuerbach đã làm, và cũng không có kinh nghiệm của người trong cuộc về tôn giáo, như đồng chí Engels đã có trong một thời gian vẫn.

Theo lẽ đương nhiên, ta không có lý do gì để đòi một người chỉ chuyên môn tu đạo phải am hiểu tường tận về kinh tế chính trị. Cũng thế, ta không có quyền đòi Marx phải hiểu biết một cách xác đáng về tôn giáo, phải hiểu biết như người trong cuộc, vì lẽ ông muốn chú tâm vào kinh tế, xã hội và chính trị, để thay đổi lịch sử nhân loại. Tuy vậy ta thấy vẫn có người định ninh rằng quan niệm không chuyên môn của Marx về tôn giáo là quan niệm đầy đủ, tuyệt đối, dứt khoát : đó mới thực là một thái độ khó hiểu.

Thiết tưởng cũng nên đặt quan niệm của Marx về tôn giáo trong bối cảnh lịch sử triết học duy tâm của người Đức.

Hegel (1770-1831) trong cuốn sách *Triết học về tôn giáo* đã trình bày theo một thứ tự có tính cách biện chứng tất cả các tôn giáo mà ông biết và ông cho rằng đạo Thiên Chúa (Ki-tô) là tổng hợp tất cả nỗ lực tôn giáo của nhân loại. Nhưng trong hệ thống tổng quát của ông thì Tinh thần mới là thực tại tuyệt đối. Tinh thần ở đây không phải là cái vô

hình vô tượng, khác hẳn vật chất, nhưng là cái tổng hợp được tất cả thực tại tự nhiên, thực tại nhân vi do con người kiến tạo trong lịch sử. Tinh thần tuyệt đối, ý thức được về chính mình, thì xuất hiện dưới ba hình thức : 1) hình thức cảm giác thẩm mỹ là nghệ thuật, 2) hình thức biểu tượng là tôn giáo, và 3) hình thức ý niệm là triết lý. Nói thế khác tôn giáo chưa phải là ý thức tối cao.

Tiếp theo đó, Feuerbach (1804-1872) cho rằng triết lý mới đem tới ý thức tối cao, còn tôn giáo mới chỉ là ý thức cấp dưới mà thôi. Thêm vào đó thì : nếu đạo Ki-tô là tổng hợp tất cả các tôn giáo thì chỉ cần phê bình một đạo này mà thôi, thì cũng đủ để đánh đổ hết các tôn giáo. Và ông đã làm việc đó trong cuốn sách *Bản chất đạo Thiên Chúa (Ki-tô)* (1841).

Đọc xong cuốn sách của Feuerbach, Marx và Engels rất hào hứng và cho rằng việc phê bình tôn giáo như thế là đã hoàn tất, cho nên không cần đề ý đến tôn giáo nữa, mà chỉ cần đi tiếp chặng đường nữa, là phê bình xã hội, kinh tế và chính trị. Cho nên khi nói về tôn giáo Marx đã noi theo truyền thống Hegel, Feuerbach, mà chủ trương rằng tôn giáo chỉ là ý thức của con người chưa đạt thân, hay là của con người đã vong thân, đã đánh mất bản thân. Có thể thôi.

Truyền thống này lấy con người làm gốc : ngoài con người và các tác phẩm con người làm nên, thì không có gì khác nữa, thần thánh hay là Thiên Chúa cũng chỉ là ảo tưởng, ảo vọng. Nhưng quan niệm như thế không phải là không có chút duy tâm: chắc gì là ngoài ý thức của con người thì không có gì cả ?

Lambersart, ngày 08/01/2009.

Trần Văn Toàn.

Chú thích

[47] Daumer chủ trương tái lập, dưới một hình thức canh tân, tôn giáo cổ sơ, tôn thờ các mãnh lực thiên nhiên, và đã xuất hiện trước đạo Thiên Chúa. Cho nên Marx cho rằng sánh với đạo Thiên Chúa thì chủ trương đó là phản động. (Xem *Tuyển tập* : Karl Marx – Friedrich Engels , *Sur la religion*, Editions sociales, Paris , 1960, trang 95).

[48] MEGA I / 10, trang 200. – Cũng xem *Tuyển tập* bằng tiếng Pháp vừa dẫn trước đây, trang 94.

[49] Cũng trưng dẫn theo *Tuyển tập* vừa dẫn trước đây, trang 83-84.

[50] Nói chung thì đâu đâu ta cũng thấy người ta phản ứng theo như điều mình nghĩ về thực trạng bên ngoài. Người ta hay lừa dối nhau, làm cho nhau hiểu sai về thực tế cũng như về dự định của mình, trên chiến trường, trong chính trường, cũng như trên thương trường. Vì thế người ta bày ra nhiều mưu kế (như khổ nhục kế, mỹ nhân kế), dùng thuyết khách, dùng tuyên truyền, dùng mánh khéo chiêu hàng, làm cho người khác hiểu lầm và làm theo dự định vụ lợi của mình. Lịch sử diễn biến như thế, bất chấp là người ta hiểu lầm hay hiểu đúng. Cái ảo tưởng vẫn làm cho người ta hoạt động như thường. Như thế không phải vì cuộc sống chung chỉ là gian dối với nhau, nhưng vì muốn chung sống, đôi khi người ta cũng cần « đẹp để phô ra, xấu xa đậy lại », cũng cần phải giữ hình thức lễ độ với nhau.

[51] « Wir beginnen mit dem Satz : Religion ist *Unglaube* ; Religion ist eine Angelegenheit , man muss gerade sagen : *die Angelegenheit des gottlosen Menschen*” (*Kirchliche Dogmatik*, I / 2, Zurich, 1948, tr 327; - Bản dịch Pháp văn : *Dogmatique I / 2*, Genève, 1954, tr 9).

[52] *Wozu ist das Christentum gut ?* (Muenchen, 1972) – Bản dịch Pháp văn *A quoi sert le christianisme ?* Paris, 1976, trang 47.

[53] *Oppression et liberté*, Paris, 1955, trang 107.

NGUYỄN HỌC TẬP

I - Giáo Hội và nhân quyền, từ đôi đầu đến thông cảm đối thoại:

Bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền Và Quyền Công Dân Cách Mạng Pháp Quốc năm 1789, được Hội Đồng Quốc Gia Pháp chuẩn y và công bố ngày 26.08.1789.

Đây là tài liệu lịch sử đầu tiên được dành riêng cho các quyền của con người, trong đó có cả một bản liệt kê chi tiết gồm đến 17 điều khoản.

Bản văn lúc đầu không gây nên một phản ứng nào đối với Toà Thánh, cũng như trước đó Toà Thánh không có thái độ nào đối với Bản Tuyên Ngôn Độc Lập Hoà Kỳ 1776, trong đó cũng nói lên " *các quyền bất khả xâm phạm của con người* "

Hội Đồng Quốc Gia Pháp, khoản một năm sau đó, cũng đã áp dụng Hiến Chương dân sự đối với hàng giáo phẩm (12.07.1790), mà qua đó Quốc Gia Pháp áp đặt nhiều điều kiện nặng nề trên đời sống Giáo Hội.

Kể đến nữa, Nghị Quyết ngày 27.11.1790 bắt buộc hàng giáo phẩm phải tuyên thệ thi hành các điều khoản của Hiến Pháp.

Chỉ sau các biện pháp áp đặt đó, Đức Giáo Hoàng Pio VI mới ký tên vào một *Thư Đáp Từ* ngăn ngừa, *Quod aliquantum* ngày 10.03.1791, cho một bức thư của Hội Đồng Giám Mục Pháp gửi đến ngài, ngày 10.10.1790, trong đó ngài đưa ra một loạt các chỉ trích Hiến Chương đối với hàng giáo phẩm và đối với hai điều khoản của Bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Quyền Công Dân 1789:

- điều 10, về tự do tư tưởng, cả trong lãnh vực tôn giáo
- điều 11, về tự do ngôn luận và tự do truyền bá tư tưởng.

Thật ra *Thư Đáp Từ Quod aliquantum*, mặc dầu được coi là ngăn ngừa, nhưng là một bản văn khá dài và có cấu trúc chặt chẽ,

- được nhiều sách vở trong lịch sử trích dẫn
- và chỉ có ít chương kết án quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận và tự do tôn giáo của Hiến Chương đối với hàng giáo phẩm của thời đó.

Đọc nguyên bản của *Quod aliquantum* chúng ta sẽ thấy được các lời mạnh mẽ của Đức Pio VI có lý chứng để

- nâng đỡ và bênh vực tự do của Giáo Hội,
- quyền độc lập của các Giám Mục và quyền thượng đẳng của Toà Thánh trong lãnh vực thiêng liêng.

Nếu trên thực tế lúc đó, quyền thượng đẳng đó đôi khi là kết quả của các lãnh vực trần thế, nhứt là những gì có liên quan đến tính cách chính đáng để chống lại các bè rối trong một vài thời điểm, với những phương thức mà ĐTC Gioan Phaolô II không ngần ngại cho là những phương thức

- "... quá đáng không nhường nhịn và cả bạo lực để bênh vực chân lý " (ĐTC Gioan Phaolô II, *Tertio millenario adveniens*, 35).

Nhưng nói đi rồi cũng phải nói lại, chính đường lối chính trị chống hàng giáo phẩm của chế độ mới sau Cách Mạng Pháp đã cản trở không ít

- việc hiểu biết rõ hơn biến cố Cách Mạng

- và hiểu rõ hơn những ao ước sâu đậm bên dưới các lời tuyên bố về quyền con người.

Đọc lại *Thư Đáp Từ của Đức Pio VI*, các lời mạnh mẽ của ngài được dùng khi đối đầu với Hội Đồng Quốc Gia Pháp tự cho mình có quyền kiểm soát đời sống Giáo Hội và ngài viết lên với cả lời yêu cầu các Giám Mục giúp đỡ ngài để phán đoán chính xác và có những quyết định thích đáng đối với tình trạng lúc đó, để vượt thắng được mỗi căng thẳng.

Đọc lại Thư Đáp Từ trong ý nghĩa đó,

- không những chúng ta hiểu được thảm trạng Đức Pio VI đang gặp phải lúc đó đối với biến cố thời danh Cách Mạng Pháp, dựa trên những tin tức, dữ kiện không đầy đủ và chậm trễ,

- mà còn ngưỡng mộ được khả năng phán đoán chuẩn định đối với những mối nguy hiểm mà Giáo Hội gặp phải trong sứ mạng rao giảng Phúc Âm và thảm cảnh bị bách hại mà Giáo Hội phải gánh chịu trong thế kỷ XIX và XX, chịu đựng những áp đặt trái ngược với quyền tự do tôn giáo mà chính Tuyên Ngôn 1789 đã xác quyết.

Chúng ta đừng quên rằng chính Cách Mạng Pháp là khuôn mẫu cho tất cả các chế độ, được Hiến Chương gọi hứng, áp đặt gông cùm quyền lực trần thế lên Giáo Hội, bóp nghẹt tự do tôn giáo, như những gì còn đang hiển hiện trước mắt người Việt Nam chúng ta.

Hiểu được như vậy, chúng ta có thể thông cảm được tại sao Giáo Hội vắng tiếng khoản một thế kỷ, có thái độ đóng kín đối với vấn đề nhân quyền (bởi vì Giáo Hội đang sống dưới áp lực):

- ĐTC Gregorio XVI lên án một cách đặc biệt tự do lương tâm và tự do báo chí quá trớn (*Thông Điệp Mirari vos*, 15.08.1832);

- ĐTC Pio IX khước từ tổng thể các nguyên tắc chủ nghĩa tự do chính trị, chỉ dựa trên một vài quyền của con người (*Thông Điệp Quanta cura*, tiếp theo bản lên án *Syllabus*, 08.12.1864).

Nhưng thái độ của Giáo Hội bắt đầu khác đi với ĐTC Leo XIII, khi ngài nhấn mạnh đến

- quyền bình đẳng của mỗi con người, với phẩm giá là con Thiên Chúa (*Thông Điệp Quod apostolici muneris*, 28.12.1878).

Đó là quan niệm sẽ được thể hiện trở lại trong *Thông Điệp Rerum novarum*, được ngài viết lên để bênh vực giới công nhân bị bóc lột.

Nhìn qua những dòng lịch sử vừa kể, chúng ta có thể nói đó là lộ trình mà Giáo Hội khám phá ra *nguồn gốc căn nguyên Phúc Âm của quan niệm về nhân quyền*, sau khi thái độ đối đầu của thời cuộc lịch sử đã bắt đầu lắng dịu.

Chúng ta có được quan niệm chính xác hơn về các quyền của con người trong HDXHHG với ĐTC Gioan Phaolô II, tháng 3 năm 1998, nhân chuyến công du mục vụ Pháp Quốc, khi ngài xác nhận rằng

- " *tự do, bình đẳng và huynh đệ hỗ tương* " (*liberté, égalité, fraternité*), ba màu của lá cờ tam sắc Pháp Quốc không có gì khác hơn là những tư tưởng Ki Tô giáo (ĐTC Gioan Phaolô II, *La storia della salvezza conosce con ogni uomo un nuovo inizio*, 5).

Bao nhiêu đoạn đường Giáo Hội đã phải trải qua,

- khởi đầu từ động tác đọc lại một nguyên tắc, như nguyên tắc phẩm giá con người được dựng nên giống hình ảnh Thiên Chúa và được Chúa Giêsu cứu chuộc,

- để tiếp tục khai triển đến bao nhiêu năng lực còn hàm chứa trong đó.

Trên lộ trình đó, ĐTC Pio XI thể hiện một giai đoạn có ý nghĩa đặc biệt, nhất là với

- tác động *lên án chế độ toàn trị của Đức Quốc Xã* (*Thông Điệp Mit brennender Sorge*)
- và *chống lại Cộng Sản Chủ Nghĩa* (*Thông Điệp Divini Redemptoris*).

Mục đích cuộc hành trình vừa kể của Giáo Hội : xác nhận lòng chuyên cần dẫn thân để phát huy và bênh vực các quyền chính đáng của con người: là những gì thuộc về sứ mạng mục vụ của Giáo Hội. Giáo Hội muốn cho mình trở thành

- người canh giữ phẩm giá con người và các quyền phát xuất từ phẩm giá đó,
- được đánh dấu bằng tính cách phổ quát và bất khả phân.

II - Đặc tính phổ quát hoàn vũ loan truyền Ki Tô giáo, giả định trước tính cách phổ quát các quyền con người.

Ai trong chúng ta cũng biết một trong những người soạn thảo ra bản *Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền 1948 của Liên Hiệp Quốc* đó là nhà luật học người Pháp, Gs René Cassin. Ở một trong những cuộc họp của Ủy Ban Thứ Ba Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc, Gs René Cassin đã được đặc trách duyệt xét lại đồ án dự thảo của bản Tuyên Ngôn. Trong khi duyệt xét Lời Nói Đầu, Gs đã đưa ra một tu chính án, sau đó trở thành như là ấn tượng được đóng lên bản văn: đó là đặc tính phổ quát (có giá trị đối với bất cứ ai, bất cứ ở đâu và trong bất cứ thời điểm nào).

Ý kiến mặc dầu bé nhỏ được Gs thêm vào (tức là tính cách phổ quát), nhưng đưa đến những hậu quả hệ trọng, bởi lẽ đây là lần đầu tiên gán cho một văn bản được soạn thảo trong bối cảnh giữa các Quốc Gia với nhau lại được gán cho đặc tính có giá trị phổ quát cho khắp thế giới.

Đặc tính vừa kể của *Tiền Đề Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền* bắt buộc phải nhìn nhận giá trị các quyền con người vượt lên trên biên giới Quốc Gia và do đó Bản Tuyên Ngôn 1948, mặc cho một số luật gia cho rằng không có tính cách bắt buộc, với thời gian

- không những đã đích thực trở thành nguồn mạch của quyền quốc tế,
- còn có giá trị hơn cả một dụng cụ luật pháp bắt buộc đối với các thành phần ký giao ước.

Nói cách khác *Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền năm 1948* thiết định các tầm mức, khuôn thước để đo lường định chế pháp luật của một quốc gia xem có thích hợp với các nguyên tắc gợi ý của Bản Tuyên Ngôn hay không.

Tầm quan trọng có tính cách phổ quát đó của Bản Tuyên Ngôn cũng được Toà Thánh chấp nhận.

Từ việc chuẩn định đánh giá được ĐTC Gioan XXIII nói lên trong *Thông Điệp Pacem in terris*, cho đến những ngôn từ mà ĐTC Gioan Phaolô II khen ngợi Thông Điệp đó

- như là những trụ đá định chuẩn khoản cách được đặt trên lộ trình dài và khó khăn của nhân loại (ĐTC Gioan Phaolô II, *La dignità della persona umana fondamentale di giustizia e pace*, 7).

- như là một trong những thể hiện cao cả nhất của lương tâm nhân loại trong thời đại chúng ta (ĐTC Gioan Phaolô II, *Sono qui come testimone della dignità dell'uomo*, 2).

Thái độ tinh lặng của ĐTC Pio XII đối với Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền 1948 có thể hiểu được như là thái độ can trọng có đặc tính nền tảng.

Thái độ can trọng đó không phải đối với những gì được tuyên bố về các quyền con người, bởi lẽ sự tôn trọng đối với các quyền đó đã được ĐTC đòi buộc ngay từ những năm còn đen tối của thế chiến thứ II (đặc biệt trong *sứ điệp truyền thanh Giáng Sinh năm 1942*). Thái độ can trọng của ngài là vì Bản Tuyên Ngôn không đưa ra các nguyên tắc xác thực dựa trên đó các quyền có được nền tảng.

Nhấn quang của Giáo Hội là

- nền tảng thần học nâng đỡ toà nhà các quyền của con người

- và nói lên một trong những cách phát biểu sung mãn nhất của các lời tuyên bố đó.

Việc không đưa ra nguyên lý nền tảng cho các quyền của con người trong Bản Tuyên Ngôn khiến cho ĐTC Pio XII cho rằng việc kiến tạo nên các quyền của con người trong Cộng Đồng Quốc Tế thiếu nền tảng vững chắc.

Đặc tính phổ quát phẩm giá con người khiến cho chúng ta có được một căn nguyên tín lý cho các quyền của con người và cho thấy đó cũng là một dụng cụ hữu hiệu cho sứ mạng mục vụ của Giáo Hội

Và đó là *cử chỉ cởi mở thêm ra* của ĐTC Gioan XXIII với *Thông Điệp Pacem in terris*, mà điểm khởi hành được đặt trên "*bình diện tự nhiên*", mà lý trí có thể hoàn toàn thấu triệt được. Trong ý nghĩa đó chúng ta thử đọc lại các lời của ĐTC:

- "*Trong một cuộc sống chung có trật tự và sung mãn, cần phải đặt như là nền tảng nguyên tắc, theo đó mỗi con người là một nhân vị, tức là một tạo vật thiên nhiên có lý trí và ý chí tự do. Như vậy con người là chủ thể các quyền và bổn phận thoát xuất trực tiếp và đồng thời từ chính bản tính của mình: bởi đó các quyền và bổn phận phổ quát, bất khả xâm phạm, bất khả nhượng. Và kể đến nếu nhìn phẩm giá con người trong ánh sáng được Chúa mạc khải cho, phẩm giá đó thể hiện ra cao cả hơn không thể so sánh được, bởi vì con người được cứu chuộc bởi máu của Chúa Giêsu Ki Tô, và với ân sủng con người đã trở thành con cái và bạn hữu của Thiên Chúa và được thiết định là các thừa kế tự vinh quang vĩnh viễn "* (PT, 5).

Với những lời vừa kể *Thông Điệp Pacem in terris* nối kết bình diện thiên nhiên của lý trí với bình diện siêu nhiên của ân sủng, trong một vị thế đích thực Ki Tô giáo: tuy vậy không có gì cấm cản trên bình diện thứ nhất các xác tính khác nhau có thể kết tụ lại thành một nhãn quang đồng quy, miễn là sẵn sàng chấp nhận *trong mỗi con người phương diện chung phổ quát, cá biệt và không thể bị hủy diệt* là những gì thuộc về phẩm giá của con người.

Một bước tiến khác tiếp theo những gì đã được ĐTC Gioan XXIII đề thảo ra, được Công Đồng Vatican II thực hiện.

- Một đảng Hiến Chế mục vụ *Gaudium et spes* về Giáo Hội trong thế giới hiện đại xác nhận:

* "*Giáo Hội, nhờ sức mạnh Phúc Âm đã được giao cho mình, tuyên bố các quyền của con người, nhận biết và thẩm định cao giá tiến trình mà trong thời đại chúng ta các quyền đó được thăng tiến khắp nơi "* (GS, 41).

- Đảng khác *Tuyên Ngôn Dignitatis humanae* về tự do tôn giáo đã nói lên như sau:

* "*Ước gì trong lãnh vực tôn giáo, không ai bị bắt buộc hành động chống lại lương tâm của mình, bởi vì tự do tôn giáo có nền tảng của mình trong chính phẩm giá của con người, mà chính Lời Chúa và lý trí đã làm cho chúng ta biết được. Bởi đó quyền có được miễn chuẩn đó vẫn có giá trị cả đối với những ai không chu toàn bổn phận phải tìm kiếm chân lý và hội nhập mình vào đó "* (DH, 2).

Viễn tượng vừa kể đã khắc ghi một cuộc chuyển hướng quyết định trên thể thức mà Giáo Hội nhìn vào các quyền của con người và là một cái nhìn thực sự phổ quát (có giá trị cho tất cả mọi người)

Theo vết chân của Công Đồng Vatican II, ĐTC Phaolô VI và Gioan Phaolô II bước thêm tới. Chúng tôi muốn nhắc đến sứ điệp của ĐTC Phaolô VI gửi cho Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đang nhóm họp tại Teheran, nhân dịp giáp 20 năm Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền được tuyên bố, nói lên mối chăm lo chuyên cần của Toà Thánh về vấn đề nhân quyền phổ quát:

- "*Nói về các quyền của con người là xác nhận một công ích của nhân loại, là làm việc để cộng tác xây dựng một cộng đồng huynh đệ, là tác động cho một thế giới, trong đó mỗi người đều được yêu thương và giúp đỡ như là người thân cận của chính mình, như là người anh em của chính mình "* (ĐTC Phaolô VI, *Per il 20° anniversario della Dichiarazione universale dei diritti dell'uomo*).

Hơi thở tương tự cũng đã đánh động tâm hồn ĐTC Gioan Phaolô II, cho dầu ngài đã lưu ý rằng Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền không thể hiện các nền tảng nhân bản luận và luân lý các quyền của con người được bản văn tuyên bố, nhưng ngài cũng xác nhận giá trị mà dựa trên đó quan niệm về các quyền của con người

- "*là một chân lý phổ quát, được đón nhận luôn luôn minh nhiên hơn trong tất cả các lãnh vực văn hoá*" (ĐTC Gioan Phaolô II, *Al Corpo Diplomatico accreditato presso la Santa Sede*, 7).

Lời xác nhận vừa kể là hậu quả phổ quát của việc rao giảng Ki Tô giáo:

- "*Anh em hãy đi khắp thế gian và loan báo Tin Mừng cho mọi loài thọ tạo*" 8 Mc 16, 15; Mt 28, 19).

- "*Vậy, không còn phải phân biệt Hy Lạp hay Do Thái, cắt bì hay không cắt bì, man di, mọi rợ, nô lệ, tự do, nhưng chỉ có Chúa Ki Tô là tất cả và ở trong mọi người*" (Col 3, 11; 1 Cor 1, 13; Gal 3, 28).

Vấn đề phổ quát của các quyền con người thoát tiên có vẻ như là những gì phiến diện tùy thuộc vào quan niệm triết học của mỗi chủ thuyết, nhưng vấn đề vừa kể không ngăn cản được *thái độ kính trọng khách quan phải có đối với phẩm giá con người*.

Vấn đề đang bàn làm cho chúng ta nhớ lại quan điểm của nhà thần học J. Maritain, tác giả của một thái độ thoả thuận thực tế, nhằm tôn trọng các quyền con người, không cần phải cậy dựa vào các biện chứng thuyết lý (J. Maritain, *Autour de la nouvelle déclaration universelle des droits de l'homme, Textes réunis par Unesco, éd. Sagittaire 1949, Introduction, p. 11-13*).

Chúng ta đang sống vào thời đại *tương đối chủ nghĩa* (*relativisme*), một chủ đề không phải lúc nào cũng được đưa ra với lòng thành tâm thiện chí,

Bởi đó ĐTC Gioan Phaolô II khuyến khích chúng ta hãy

- "*khước từ các lời chỉ trích của những ai có ý đồ lợi dụng các hình thức văn hoá để che đậy vi phạm đối với các quyền con người*", và ngài nhắc nhở chúng ta đặc tính phổ quát đòi buộc

- "*là nền tảng các quyền con người trong các văn hoá khác nhau*" (ĐTC Gioan Phaolô II, *Dalla giustizia di ciascuno nasce la pace per tutti*, 2).

III - Đặc tính bất khả tách rời các quyền của con người: sự thách thức đối với luật gia, nhưng là điều hiển nhiên đối với người Ki Tô hữu.

Không thể chia tách các quyền của con người, quyền này được luật pháp bảo vệ, quyền kia không.

Với đặc tính không thể chia tách, chúng ta đang gặp phải một vấn đề quan trọng khác đối với các quyền của con người, nhứt là dưới phương diện luật pháp.

Có nhiều người cho rằng các quyền thuộc loại kinh tế, xã hội, văn hoá không thể có lý chứng được bắt buộc luật pháp phải bảo vệ.

Nhưng đối với những người khác, tính cách bất khả chia tách các quyền của con người là điều kiện hữu lý chính đáng phải có của đặc tính phổ quát.

Bởi lẽ nếu tất cả các quyền của con người không có được những bảo đảm cần thiết phải có, thì các quyền của con người chỉ là những biểu tượng luân lý và đặc tính phổ quát của chúng chỉ là phổ quát giả tạo.

Điều đặc biệt chúng ta nên lưu ý việc nhận biết các quyền của con người về phía Giáo Hội được khởi đầu tính từ các quyền có tính cách xã hội và kinh tế, trái ngược với những gì xảy ra lúc đó trong lãnh vực trần thế, nơi mà các quyền đó được coi là "*các quyền hạng hai*", chính vì việc soạn thảo ra các quyền đó được thực hiện tiếp theo các quyền dân sự và

chính trị.

Qua những gì được đề cập, chúng ta không có gì phải ngạc nhiên.

Trong khi

- các " *quyền thuộc hạng nhứt* " (quyền dân sự và chính trị) được xác định luật pháp bảo vệ ngay cả trong các cuộc tranh cãi đối đầu với Giáo Hội, thì " *các quyền thuộc hạng hai* " được bên vực dựa trên giáo huấn của Giáo Hội, mà khởi điểm luôn luôn là phẩm giá của con người.

Chúng ta cần nhớ rằng trên lãnh vực vừa kể, lãnh vực " *các quyền hạng hai* ", Giáo Huấn của Giáo Hội đã đối đầu lại các tư tưởng của xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, mà Giáo Hội đã chỉ trích ngay từ đầu đối với các phương thức sắp xếp và thể thức để thực hiện của họ.

Một trăm năm sau *Thông Điệp Rerum novarum*, ai trong chúng ta cũng nhận thức được chân lý nằm ở đâu.

Ngày nay chúng ta không cần phải có giọng điệu phô trương toàn thắng, cũng có thể nói được rằng vị trí của Giáo Hội đối với vấn đề là vị trí chính đáng, và có lẽ Giáo Hội là sức mạnh duy nhứt cương quyết và can đảm bên vực các quyền kinh tế và xã hội của con người, đến nỗi đôi khi bị chỉ trích cả đối với các thành phần nổi bậc của tự do chủ nghĩa, tự coi mình như là chủ thuyết điều chỉnh thượng đẳng các thực tại kinh tế và xã hội, bằng cách dùng đòn bẩy toàn cầu hóa tài chánh.

Cũng như Huấn Dụ của Giáo Hội một trăm năm trước đây đã không ngần ngại *bên vực quyền của các công nhân*, ngày nay Giáo Hội cũng không thiếu bốn phạm kê gọi sự tôn trọng quyền của người nghèo - cá nhân cũng như tập thể dân chúng - quyền họ được tham dự vào phần hưởng thụ của cải vật chất và làm sao cho có kết quả khả năng làm việc của họ (CA, 28).

Như vậy điều quan trọng căn bản là làm sao không hy sinh phẩm giá con người - cá nhân cũng như tập thể - cho của cải, cá nhân, đảng phái, ý thức hệ hay thị trường được thần tượng hoá.

Đối với ĐTC Gioan Phaolô II ai chối bỏ tầm quan trọng luật pháp đối với các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá đối với các quyền của con người, là kẻ

- " *bần tiện hoá phẩm giá con người, trong khi đó trái lại, cần phải tìm hiểu sâu đậm hơn phương diện luật pháp để bảo đảm hoàn hảo phẩm giá đó* " (ĐTC Gioan Phaolô II, *Dalla giustizia di ciascuno nase la pace per tutti*, 2).

Đàng khác, ngày nay nhân quyền nói lên cả tầm mức cá nhân và xã hội. Thái độ cứng rắn chia tách phân loại các quyền của con người là thái độ cần phải được xét lại và tranh luận, như những gì được xem như là " *các quyền hạng ba* ": quyền được phát triển, có được hoà bình, có được môi trường bảo đảm cho cuộc sống - mà chủ nhân cũng đồng thời là con người, chủ thể cá nhân và thành phần cộng đồng xã hội, hiệp hội, tổ chức, chính đảng (thiếu số, dân chúng, quốc gia,...).

Giữa những chủ thể tập thể được Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền 1948 minh nhiên đề cập đến, chúng ta cần lưu ý đến gia đình

- " *yếu tố tự nhiên và nền tảng của xã hội, có quyền được xã hội và Quốc Gia bảo vệ* " (Điều 16).

Mặc dầu được tuyên bố như vậy, nhưng giữa muôn ngàn dụng cụ luật pháp quốc tế được nghĩ ra để phát triển các quyền được Bản Tuyên Ngôn công bố, gia đình hoàn toàn bị bỏ quên trong bóng tối.

Trái lại về phần mình, Toà Thánh đã phổ biến năm 1983 *Bản Tuyên Ngôn về Các Quyền Của Gia Đình* (*Carta dei diritti della famiglia*) , nhưng cho đến nay vẫn chưa thấy có tiếng vang nào đáp ứng lại cỡ tầm mức quốc tế.

IV - Nhân quyền, quan niệm nửa chừng của thời đại chúng ta.

Chúng ta đang ở vào thời khoản một vài năm sau 50 năm công bố Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền 1948 và một vài năm sau khi ngàn năm III vừa mới bắt đầu trong lịch sử nhân loại Các quyền của con người đang đứng trước thái độ song quang luận, nửa chừng hay tiến thoái lưỡng nan.

Một đàng các quyền của con người là cách tuyên bố của thái độ càng ngày càng nhìn nhận các ước vọng không thể tiêu diệt được của lương tâm con người: *phẩm giá, công lý, bình đẳng*.

Nhưng đàng khác, trong các thập niên cuối cùng này, chúng ta đang chứng kiến những hành động bằng hoại bản tính con người dưới những nhát búa của một ý thức hệ làm đảo lộn các ước vọng vừa kể, bằng cách chối bỏ hay giới hạn tư tưởng tiên quyết nền tảng phải có. Đó là tư tưởng về đời sống con người là những gì thiên thánh cao quý, ngay từ lúc cuộc sống được tượng hình và cũng bởi đó quyền được sống, được bảo toàn mạng sống là quyền ưu tiên thượng đẳng. Bởi đó nếu đời sống không được bảo vệ một cách hữu hiệu, các quyền khác không còn có ý nghĩa gì để được hiện hữu.

Làm sao có thể biện minh được cho áp lực của những người chủ trương phá thai và chính danh hoá cho các cuộc thí nghiệm trên bào thai con người, nếu không phải vì lợi thú nào đó, thoát ra bên ngoài và vượt lên trên sự bảo vệ mạng sống con người từ lúc tượng thai trong lòng mẹ, nhằm bênh vực lợi ích cho kỹ thuật và thương mại ?

Thái độ vừa kể là khuynh hướng coi con người chỉ là cuộc sống sinh vật học (biologique), như vậy người ta có thể xử dụng mạng sống con người tùy hỷ, theo lợi thú của của những gì có quyền lực hơn. Mạng sống con người chỉ còn là yếu tố biến thiên tùy theo mức cung cầu của lợi thú các giới đó.

Tất cả các quyền của con người có thể được coi là có *tầm mức hình học biến thiên (geometria variable)*. Đó là thái độ của *chủ thuyết tương đối hoá (relativisme)*, con người có quyền hay không, có được bao nhiêu quyền và quyền nào là quyền bất khả xâm phạm.

Thật là bấp bênh !

Trước viễn ảnh vừa kể, nhân loại càng ngày càng xác tín rằng các quyền của con người là một dấu chứng cho *hy vọng có được một cuộc sống sáng sủa hơn*, cá nhân cũng như xã hội, *chỉ khi nào con người đạt được cao độ số phận siêu nhiên của mình và tranh đấu cho các quyền đó vì tình yêu thương hơn là vì công lý, của anh của tôi, có vay có trả*.

Nhân quyền

- không phải là những gì thuộc quan niệm huyền bí không tưởng,
- không phải là vũ khí cho quyền lực chính trị,
- không phải là một tôn giáo mới cho những ai bị mờ côi vì các ý thức hệ bị phá sản,
- mà những gì phản ánh lại chân lý về con người đích thực với phẩm giá cao cả của mình, *được Thiên Chúa mạc khải cho trong Thánh Kinh*.

Nhân quyền sẽ được thực sự bảo vệ và kính trọng, chỉ khi nào con người nhận biết được phẩm giá đó.

VỀ MỤC LỤC

Phép lạ?

Nguyên tác: Taking Flight - Bay Lên Đi

Tác giả: Anthony de Mello, S.J.

Chuyển ngữ: Lm. Minh Anh (Gp. Huế)

Chi dẫn:

Tốt nhất, các câu chuyện sẽ được đọc theo thứ tự như đã sắp xếp. Mỗi lần đọc không quá một hoặc hai mẫu chuyện nếu bạn ước ao có được một cái gì đó hơn là chỉ giải trí.

Lưu ý:

Các chuyện kể trong tập sách này đến từ nhiều đất nước, nhiều nền văn hoá và tôn giáo khác nhau; chúng thuộc về những di sản thiêng liêng, những câu chuyện hài hước được ưa chuộng của dòng đời nhân loại.

Những gì tác giả làm là khâu kết chúng lại với nhau theo một ý hướng đặc thù. Công việc của tác giả là công việc của người thợ dệt và thợ nhuộm, tác giả chẳng có công trạng gì về những tấm vải và những sợi chỉ.

LTS. Chỉ dẫn và lưu ý trên đây là của tác giả. Tuy nhiên, vì Đặc San GSVN chỉ phát hành 2 tuần một lần nên mỗi số báo BBT xin giới thiệu trung bình từ 5 đến 7 mẫu chuyện. Bạn đọc có thể lưu lại để nghiên ngẫm suy tư.

Chủ đề: Ý Thức (tiếp theo)

45. Phép lạ?

Một thanh niên kia dắt con chó săn tập sự của mình đi thử vận. Chẳng mấy chốc, anh bắt được một con vịt trời, nó rơi xuống hồ. Con chó lội ra, nhặt con vịt và mang đến cho chủ.

Cậu lặng người! Cậu bắn hạ một con vịt khác. Lại một lần nữa, đang khi cậu dụi mắt vì không tin, con chó lại chạy trên mặt hồ và tìm mang con vịt về.

Thật khó tin những gì mắt thấy, cậu rủ thêm người bạn hàng xóm cùng đi săn ngày hôm sau. Một lần nữa, mỗi khi cậu hoặc anh bạn bắn hạ một con chim, con chó lại chạy trên mặt hồ và mang con vật về. Cậu ấy không nói gì cả, bạn cậu cũng không. Cuối cùng, không thể lặng thinh lâu hơn, cậu buột miệng, "Anh có thấy điều gì khác thường nơi con chó ấy không?".

Anh bạn hàng xóm quệt tay vào má trầm ngâm suy nghĩ. Cuối cùng anh nói, "Vâng, cậu thấy đó, tôi thấy rằng, con trai của một tay thợ săn lại không biết bơi!".

Phép lạ xem ra là một cái gì quá hiếm hoi trong cuộc sống. Không phải, nhiều hơn thế: chính cuộc sống đã là một phép lạ và bất cứ ai thôĩ nghĩ là nó quá hiếm hoi như thế, sẽ thấy phép lạ tức khắc.

§

46. Con chó thông minh

Một người đàn ông thấy bạn mình chơi bài với con chó thì nói, "Anh có một con chó thật thông minh".

"Không thông minh như anh nghĩ đâu, Mỗi khi bắt được một con bài tốt, nó vẫy đuôi".

§

47. Tìm kiếm

Ông bà nội cãi nhau, bà giận đến nỗi không thềm nói với ông một lời.

Hôm sau, dẫu phía ông thì đã quên hết cuộc cãi vã, nhưng bà thì không, nên vẫn tiếp tục im lặng và lảng tránh ông. Ông làm cách mấy cũng không thành công cho bà hết im lặng âm

i.

Cuối cùng, ông bắt đầu lục lợi lung tung trong tủ chén và các học bàn. Vài phút sau, không thể chịu được hơn nữa, bà giận dữ nói, "Ông tìm cái gì đó?".

"Cám ơn Chúa, tôi tìm ra rồi", ông nói với một nụ cười kín đáo, "Giọng của bà".

Nếu Thiên Chúa chính là điều bạn kiếm tìm, hãy nhìn một nơi nào khác.

§

48. Tìm kiếm chân lý

Tên quý thấy người học đạo đi vào nhà một đạo trưởng, nó quyết định dốc toàn lực kéo người ấy khỏi con đường tìm kiếm chân lý.

Thế là nó đưa ra mọi cám dỗ khả thi: của cải, lạc thú, danh vọng, quyền lực, uy tín. Nhưng với nhiều kinh nghiệm trong đường thiêng liêng, người ấy đã dễ dàng đánh bại chúng. Ước vọng đường lành của anh thật lớn lao.

Khi diện kiến vị đạo trưởng, không hiểu sao anh tiến lại đằng sau và thấy vị đạo trưởng ngồi trên một chiếc ghế nệm và các đồ đệ ngồi dưới chân ông. Anh nghĩ, "Người này thật thiếu khiêm tốn, một đức tính căn bản của các vị thánh".

Rồi quan sát vị đạo trưởng, anh thấy có nhiều điều không vừa ý, chẳng hạn ông ít lưu tâm đến anh. Anh nghĩ, "Có lẽ anh không nịnh hót ông như những người khác". Anh cũng không thích cách ăn mặc và cách nói có vẻ hơi cao ngạo của ông. Tất cả các điều ấy dẫn anh đi đến kết luận rằng, anh đã sai địa chỉ và phải tiếp tục tìm kiếm chỗ khác.

Anh vừa bước ra khỏi phòng thì vị đạo trưởng đã thấy tên quý ngồi trong góc. Ông nói, "Mày khỏi lo, Tên Cám Dỗ, nó thuộc về mày từ đầu".

Đó là số phận của những ai đi tìm Thiên Chúa, họ sẵn sàng lột bỏ tất cả, ngoại trừ ý niệm về những gì đích thực là Ngài.

Người ta sẽ không bao giờ phạm tội nếu thật sự ý thức sự hiểm nghèo họ gặp phải mỗi khi làm một điều gì đó. Than ôi! Hầu hết người ta quá mê muội để có thể có được một chút ý thức về những gì họ đang gây ra cho chính mình.

§

49. Gã say

Một gã say xuống phố với hai lỗ tai sưng rộp. Một người bạn hỏi y điều gì đã xảy ra để hai tai bị rộp như thế.

"Vợ tôi không tắt bàn ủi, và khi chuông điện thoại reo, tôi cầm nhầm bàn ủi", gã nói.

"Nhưng với tai kia thì sao?".

"Cái thẳng chết tiệt kia gọi lại".

§

50. Trắc nghiệm

Một bác sĩ giải phẫu người Áo nói với sinh viên của ông rằng, một nhà phẫu thuật cần đến hai khả năng: không ói và biết quan sát. Sau đó ông nhúng một ngón tay vào dịch gây nôn và liếm nó đồng thời yêu cầu sinh viên của ông làm như vậy. Nhóm sinh viên gồng mình làm thử và quyết không chùn bước.

Nở một nụ cười, nhà giải phẫu nói, "Tôi chúc mừng các bạn vượt qua trắc nghiệm đầu tiên. Nhưng thật không may, trắc nghiệm thứ hai thì không, vì không ai trong các bạn lưu ý ngón tay tôi liếm không phải là ngón tay tôi nhúng vào dịch bắn".

Linh mục giáo phận hằng say truyền giáo

BẢN THẢO

ỨNG SINH LINH MỤC HỌC & SỐNG LINH ĐẠO LINH MỤC GIÁO PHẬN

GIÁO TRÌNH TU ĐỨC LỚP THẦN II & III

ĐẠI CHỦNG VIỆN THÁNH GIUSE HÀ NỘI

2011-2012

CHƯƠNG MỘT:

ỨNG SINH LINH MỤC HỌC & SỐNG LINH ĐẠO LINH MỤC GIÁO PHẬN

C. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA LINH ĐẠO LINH MỤC GIÁO PHẬN (tiếp theo)

C.5. Linh mục giáo phận hằng say truyền giáo

Có một tương tác chặt chẽ giữa phụng vụ đích thực mà đỉnh cao là Thánh Thể^[191] và truyền giáo. Chúng ta truyền giáo là để đưa mọi người vào hiệp thông với Thiên Chúa. Và chính kinh nghiệm này sẽ thúc đẩy chúng ta truyền giáo. Phụng vụ Thánh Thể còn được kết thúc bằng mệnh lệnh truyền giáo: chúng ta được sai đi chia sẻ với tất cả mọi người kho tàng chúng ta đã khám phá trong thánh lễ qua hai bàn tiệc Lời Chúa và Thánh Thể.^[192]

Chúa Giêsu là nhà truyền giáo được Chúa Cha thánh hóa và sai đi đầu tiên.^[193] Đức Mẹ thực hiện sứ mệnh truyền giáo khi mang Chúa Giêsu đến thăm bà Elizabeth. Các tín hữu sơ khai đã hằng say truyền giáo, dù phải chịu bách hại: "*Hội Thánh tại Giêrusalem trải qua một cơn bắt bớ dữ dội. Ngoài các Tông đồ ra, mọi người đều phải tản mác về các vùng quê miền Giuđê và Samari... những người phải tản mác này đi khắp nơi loan báo lời Chúa.*"^[194] Trong hoàn cảnh nhiều người phải di dân và di cư hiện nay trên thế giới, ĐTC Biển Đức XVI coi hiện tượng di dân là một dịp may Chúa gởi đến để rao giảng Tin Mừng cho thế giới hôm nay... Chính di dân đóng vai trò đặc biệt trong công tác này, vì họ góp phần trở nên "*sứ giả của Lời Chúa và chứng nhân của Đức Giêsu Phục Sinh, niềm hy vọng của thế giới.*"^[195]

Công Đồng Vaticanô II, đặc biệt qua Sắc lệnh *Ad Gentes*, giúp Giáo Hội tái khám phá căn tính truyền giáo của mình. Truyền giáo là bản chất, là lẽ sống, là lý do tồn tại và là mục đích của Giáo Hội.^[196] Do lãnh nhận lệnh truyền của Chúa Giêsu,^[197] linh mục là nhà truyền giáo tự bản chất và phải luôn hằng say truyền giáo. Nếu không thế, linh mục sẽ không còn là linh mục nữa và đánh mất căn tính của mình, như thánh Phaolô quả quyết: "*Đối với tôi, rao giảng Tin Mừng là một sự cần thiết bắt buộc phải làm. Vô phúc cho tôi, nếu tôi không rao giảng Phúc Âm.*"^[198]

Nhà xã hội học Pierre Hegy nhận xét rằng "*việc Công đồng Vaticanô II coi truyền giáo là bốn phận của tất cả mọi người đã được rửa tội xem ra chưa được thi hành triệt để.*" Quả thật, ngày 31/10/2011 vừa qua, dân số thế giới đạt ngưỡng bảy tỷ người.^[199] Số người trên thế giới gia tăng, nhưng sự tăng trưởng của Giáo hội Công giáo hiện nay không theo kịp sự tăng trưởng của thế giới. Người Hồi giáo trên thế giới đã nhiều hơn người Công giáo, và các Giáo

hội đang phát triển ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ Latinh là các cộng đoàn Tin Lành. Hồi giáo và Tin Lành đang phát triển nhanh gấp hai lần Công giáo. Chúng ta phải tự hỏi tại sao những người khác đang làm nhiều hơn chúng ta trong việc chia sẻ đức tin của họ? Nếu chúng ta không truyền giáo, không còn thấy mình được sai đi nữa, chúng ta không còn là Giáo hội thực sự nữa.^[200]

Đấng Cứu Thế đã sinh ra ở Á Châu, nhưng Kitô giáo ở Á châu ngày nay vẫn còn là một thiểu số tuyệt đối ở cái lục địa rộng lớn nhất địa cầu này, với gần hai phần ba dân số thế giới.^[201] Vậy chúng ta phải có trong trí óc và con tim lời kêu gọi khẩn thiết tiếp tục sứ vụ của Chúa Giêsu cho đồng bào mình, với ước vọng nồng cháy làm cho Ngài được nhận biết và yêu mến. ĐHY Ivan Dias, đặc sứ của ĐTC nhắc nhở tại Lavang: *"Chúng ta phải tự vấn lương tâm – trong tư cách cộng đồng Giáo Hội cũng như trong tư cách cá nhân – chúng ta có thể sống đức tin thế nào cho tốt hơn và có thể thực hành khá hơn sứ mệnh chúng ta đã nhận lãnh từ Chúa chúng ta: 'Anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ, nhân danh Cha và Con và Thánh Thần, dạy bảo họ tuân giữ mọi điều Thầy đã truyền cho anh em.'"*^[202] Huấn lệnh này ngày nay rất khẩn trương và nghiêm khắc hạch hỏi lương tâm chúng ta, khi chúng ta nghĩ đến 94% người Việt Nam chưa biết Chúa Giêsu."^[203]

Công Đồng Vatican II mở rộng tầm nhìn của chúng ta ra với Nước Thiên Chúa, lớn hơn là Giáo Hội mà chúng ta thường quan niệm, và thúc đẩy chúng ta truyền giáo. ĐTC Biển Đức XVI dùng hình ảnh *ngôi nhà chung của mọi dân tộc* để diễn tả Nước Thiên Chúa này trong ý hướng truyền giáo như sau: *"Trong một xã hội đa sắc tộc càng ngày càng kinh nghiệm những hình thức cô độc và đứng đưng đây quan ngại, các kitô hữu phải học biết để nghị những dấu chỉ hy vọng và trở nên những người anh em đại đồng, bằng việc vun trồng những lý tưởng lớn lao biến đổi lịch sử, và không ảo tưởng sai lạc hay sợ hãi vô ích, dẫn thân biến hành tinh này thành ngôi nhà chung của mọi dân tộc."*^[204]

Giáo Hội tại Á châu ngày càng thao thức sứ mệnh của mình: Tháng 10/2006 một Hội nghị được tổ chức tại Thái Lan với đề tài *"Hãy đi và nói với mọi người câu chuyện của Chúa Giêsu tại Á châu"* và từ 30/8-5/9/2010 có Hội nghị Giáo dân Á châu tại Séoul với đề tài *"Loan báo Chúa Giêsu tại Á châu hôm nay"* nhấn mạnh tầm quan trọng của Hội nghị: *"Sáng kiến của đại hội này muốn là một cử chỉ ân cần truyền giáo đối với một châu lục giàu truyền thống văn hóa và tôn giáo, một châu lục đang nổi lên trên trường thế giới, giữa những biến chuyển to lớn đủ loại."*^[205]

Truyền giáo không chỉ nhằm tới lương dân hầu đưa người ngoài vào trong Giáo Hội, mà còn nhằm thăng tiến người ở trong Giáo Hội, nhằm làm cho Phúc Âm thấm nhuần đời sống người tín hữu, đời sống và mọi hoạt động của Giáo Hội và xã hội. Trong nỗ lực này, lời khuyên của thánh Phaolô cho môn đệ Timôthêô vẫn luôn còn là thời sự và nặng ý nghĩa cho linh mục giáo phận hôm nay: *"Anh hãy rao giảng lời Chúa, hãy lên tiếng, lúc thuận tiện cũng như lúc không thuận tiện; hãy biện bác, ngăn đe, khuyên nhủ, với tất cả lòng nhẫn nại và chủ tâm dạy dỗ. Thật vậy, sẽ đến thời người ta không còn chịu nghe giáo lý lành mạnh, ... sẽ ngoảnh tai đi không nghe chân lý, nhưng hướng về những chuyện hoang đường."*^[206]

Từ đó, chúng ta có cụm từ *tái Phúc Âm hóa*^[207] và có thể liên kết với bất cứ phạm trù nào, ví dụ tái Phúc Âm hóa Phụng vụ, tái Phúc Âm hóa nhân sự, tái Phúc Âm hóa cơ cấu, tái Phúc Âm hóa cộng đoàn, tái Phúc Âm hóa giảng thuyết v.v... Và chính việc tái Phúc Âm hóa này làm cho chúng ta có đủ nội lực và khả năng thực hiện công cuộc truyền giáo hiệu quả, như thánh Phaolô quả quyết *"Tình yêu Chúa Kitô thúc bách tôi"* khiến *"tôi có thể làm được mọi sự trong Đấng ban sức mạnh cho tôi."*^[208]

Quả thế, chính khi linh mục giáo phận nỗ lực truyền giáo thì đời sống và sứ vụ của mình tìm được nguồn năng lực mới, như ĐTC Biển Đức nói trong Sứ điệp truyền giáo 2011: *"việc không ngừng loan báo Tin Mừng cũng tái tạo sức sống cho Hội Thánh, sự nhiệt tình và tinh thần tông đồ của Hội Thánh; nó giúp đổi mới các phương pháp mục vụ của Hội Thánh để có thể luôn phù hợp hơn với các hoàn cảnh mới – cả những hoàn cảnh đòi hỏi một cuộc tân Phúc Âm hóa – và được sinh động hóa bằng nhiệt tình truyền giáo."*^[209]

Trong chiều hướng này, ĐTC Biển Đức XVI triệu tập THĐGMTG lần thứ XIII, sẽ họp từ 7-28/10/2012 với đề tài *"Tân Phúc âm hóa để truyền bá Đức Tin Kitô giáo"* trong định hướng: *mới trong nhiệt huyết, mới trong phương pháp, mới trong cách diễn tả*, nghĩa là phải đặt Thiên Chúa ở trung tâm đời sống của chúng ta. Trong viễn tượng này, chúng ta được kêu gọi xét lại ơn gọi và sứ mệnh, nghiêm túc phản tỉnh về căn tính của mình, trở nên người Kitô hữu đích thực, cộng tác viên của Chúa Thánh Thần, để sức mạnh của Chúa Thánh Thần đổi mới toàn thể cộng đồng Kitô giáo.^[210] Vì vậy trong Sứ điệp Ngày Thế Giới Truyền Giáo năm 2012, ĐTC Biển Đức XVI, bằng ba biến cố: kỷ niệm 50 năm sắc lệnh *Ad Gentes*, khai mạc Năm Đức Tin và THĐGMTG về Tân Phúc Âm hóa, tái khẳng định ý muốn của Giáo Hội can đảm và hăng hái dẫn thân hơn nữa trong sứ mạng đến với muôn dân để Tin Mừng đạt tới mọi chân trời góc bể.^[211]

C.6. Linh mục giáo phận trở nên mục tử như Chúa Kitô

Đức Gioan Phaolô II bắt đầu Tông huấn *Pastores Dabo Vobis* bằng những lời của ngôn sứ Giêrêmia *"Ta sẽ ban cho các người những mục tử như lòng Ta mong ước."*^[212] Ngài đã chọn hình ảnh người mục tử trong Kinh Thánh, mà Chúa Giêsu đã dùng để diễn tả chính căn tính và sứ vụ của Người,^[213] với hy vọng chỉ cho chúng ta con đường thoát khỏi cuộc khủng hoảng căn tính linh mục. Ngài diễn tả ơn gọi nên thánh đặc thù của linh mục giáo phận bằng những lời sau đây: *"Do tác dụng của việc thánh hiến, các linh mục được nên đồng hình dạng với Đức Giêsu Vị Mục Tử Nhân Lành và được mời gọi sao chép bằng cuộc sống đức ái mục tử của mình."*^[214] Sự thánh thiện của linh mục giáo phận hệ tại việc trung thành sống đức ái mục tử của Chúa Kitô Mục Tử Nhân Lành. Do đó, linh đạo của linh mục giáo phận là trở nên đồng hình dạng với Chúa Giêsu Kitô *"là Đầu, Mục Tử và Hôn Phu của Giáo Hội"*^[215] nhờ tác động của Chúa Thánh Thần trong Bí tích Truyền Chức.

Trong các sách Tin Mừng, hình ảnh "mục tử" thể hiện Chúa Giêsu cách tốt nhất: là *"mục tử nhân lành"* hiến dâng mạng sống vì đàn chiên.^[216] Ngài *"chạnh lòng thương xót"* đám đông vì *"họ như chiên không người chăn giữ."*^[217] Ngài đã hoà nhập việc tự hy sinh chính đời mình với sứ mệnh và tác vụ của Ngài: *"Con Người không đến để được hầu hạ, nhưng là để hầu hạ và thí ban mạng sống mình làm giá chuộc thay cho nhiều người."*^[218]

Khi đọc và suy gẫm Tin Mừng, chúng ta dễ có ấn tượng sâu đậm về lòng nhân ái của Chúa Giêsu: Ngài bồng ẵm các em bé vào lòng, chúc lành cho chúng, nhắc nhở rằng Nước Thiên Chúa thuộc về những người giống như chúng;^[219] Ngài yêu mến và ghé thăm các bạn hữu, tương giao thân tình nồng nhiệt với họ, cảm thương Ladarô đến độ sa nước mắt.^[220] Ngài cũng nếm cảm nỗi đói khát, cô đơn và buồn sầu như ai khác. Ngài là Thiên Chúa và là con người trọn vẹn, và thần tính của Ngài không hề làm nhân tính Ngài bị sút giảm đi chút nào. Lòng nhân ái của Chúa Kitô được nhìn thấy rõ rệt nhất nơi tấm lòng trắc ẩn của Ngài. "Trắc ẩn" không chỉ có nghĩa là thương hại người ta, mà đúng hơn, trắc ẩn là cảm nếm nỗi đau khổ nơi người ta, cùng chịu đau khổ với họ. Chúa Giêsu đã cảm nhận cơn đói mệt của đám đông đi theo Ngài trong hoang địa.^[221] Trái tim trắc ẩn của Ngài đã hoàn toàn đồng cảm với và mang lấy gánh buồn đau của người góa phụ đang khóc thương vì mất đứa con trai duy nhất.^[222] Người góa phụ này đã không xin phép lạ, mà chính Chúa Giêsu đã quyết định làm như thế; phải chăng Ngài nhìn thấy trước nơi người góa phụ ấy hình ảnh của chính Mẹ yêu dấu của Ngài, khi Mẹ sẽ đón nhận vào vòng tay mình tấm thi thể tan nát của chính Ngài sau này? Ngài cảm nhận được lòng thống hối của người đàn bà tội lỗi đang sa nước mắt rửa và lấy tóc mà lau chân Ngài như dấu chứng của một trái tim chứa chan lòng mến.

Lòng trắc ẩn của Ngài đã thúc đẩy Ngài đi đến gặp gỡ và ngay cả đụng chạm những người phung hủ mà xã hội liệt vào hạng ô uế không thể đụng chạm đến được.^[223] Lòng nhân ái của Chúa Giêsu đã làm cho Ngài có thể đi vào trong mối tương quan với từng người và với tất cả: những người đau ốm và những người khốn khổ, những người nghèo và những người bị áp bức, những người tội lỗi và những người thánh thiện. Mặc dù tiếp xúc với đám đông quần chúng, Ngài vẫn không bao giờ quên các cá nhân và nhu cầu của họ. Ngài dừng lại với anh ăn xin mù Bartimê.^[224] Bị cả một đám đông chen lấn xô đẩy, nhưng Ngài vẫn cảm nhận được đức tin của

người phụ nữ đang cố kín đáo chạm đến mép áo Ngài để được chữa lành chứng bệnh bằng huyết của chị.^[225] Ngài đã cảm kích bởi lòng quảng đại của bà góa nghèo dâng trọn số tiền mà bà đang có để sống vào hòm tiền của Đền Thờ.^[226]

Để nên giống Chúa Kitô, linh mục giáo phận cần có lòng nhân ái và trắc ẩn như Ngài, biết cảm thông với người ta, vì người ta, nhất là những người đau khổ trong thân xác cũng như trong tâm hồn, cảm nhận *"những vui mừng và hy vọng, những ưu sầu và lo lắng của con người ngày nay, nhất là những người nghèo và những người đau khổ..."*^[227] Linh mục giáo phận không thể vô cảm, vô can, hay lãnh đạm đối với bao nỗi đau buồn và bao nỗ lực đấu tranh của những người mà mình có bổn phận phục vụ. Niềm vui và nỗi khổ của họ có âm vang trong cõi lòng linh mục giáo phận.

Linh mục giáo phận được uỷ thác chăm sóc đời sống thiêng liêng, và cả đời sống vật chất của dân ngài. Thời gian không còn là của riêng ngài vì ngài sẵn sàng phục vụ dân chúng, đôi khi cả đến 24 giờ mỗi ngày. Mỗi quan tâm của ngài là hạnh phúc của đoàn chiên, chứ không phải là hạnh phúc riêng của ngài. Linh mục giáo phận là "cha" của tất cả mọi người, bởi vì ngài không có gia đình riêng và coi mỗi gia đình trong giáo xứ của ngài như là gia đình của mình. Ngài đồng hành với dân chúng ở mọi thời điểm khác nhau trong cuộc đời của họ, từ trong dạ mẹ đến nấm mộ. Bác ái mục tử đòi hỏi linh mục giáo phận tận tụy hy sinh, trao phó chính mình cho dân và họ có vị trí trung tâm trong cuộc sống của ngài. Linh mục giáo phận năng thăm viếng đoàn chiên và biết tên mỗi người; trong những lúc khủng hoảng và khó khăn, họ mong đợi có ngài đứng bên cạnh họ, cá nhân cũng như tập thể. Đặc biệt khi sứ vụ gắn liền với những vấn đề tìm kiếm công lý và nhân quyền, có lẽ linh mục giáo phận phải đối diện với nhiều chống đối từ những thế lực bên trong lẫn bên ngoài, khiến ngài có thể phải chịu nhiều thử thách gay go và đau khổ, tuy nhiên ngài không thể tránh khỏi thách đố ấy nếu ngài thực sự là người mục tử nhân lành.

Sứ vụ tông đồ của linh mục giáo phận là cho tất cả mọi tầng lớp dân chúng, nhưng ngài được mời gọi bày tỏ chọn lựa ưu tiên cho người nghèo và người thiếu thốn được uỷ thác cho ngài chăm sóc,^[228] cũng như quan tâm đặc biệt đến những người già yếu, bệnh tật và hấp hối.^[229] Sứ mạng Phúc âm hoá của Giáo hội không phép linh mục giáo phận tách rời lãnh vực "giải phóng và thăng tiến con người" khỏi đời sống và hoạt động mục vụ của ngài, mặc dù phải luôn luôn nhớ là sứ mạng riêng của Giáo hội là rao giảng chân lý của quê hương trên trời, là cái vượt quá tất cả những gì mà trí khôn nhân loại có thể nghĩ tưởng.

Linh mục giáo phận cử hành Lời Chúa và các Bí tích cho giáo dân, đặc biệt bí tích Thánh Thể. Vì thế những chức năng tiên tri, tư tế và lãnh đạo của ngài quyện xoắn với nhau. Ngài là người rao giảng Tin Mừng chính yếu, người dạy giáo lý chính yếu, người thầy đầu tiên, người hướng đạo và người bạn của trẻ em, người trẻ, người già,^[230] cũng như việc cổ võ ơn gọi linh mục và tu sĩ là một trách nhiệm thuộc về chính căn tính của ngài.^[231]

Sự tự hiến trong đức ái mục tử có một ý nghĩa đặc biệt trong việc cử hành Hy tế Thánh Thể. Cử hành này đem lại cho linh mục giáo phận hứng khởi, động lực và sức mạnh để tự hiến hy sinh cho đoàn chiên: *"Thánh Thể trình bày và làm cho hiện diện một lần nữa hiến tế Thập giá, quà tặng trọn vẹn của Chúa Kitô cho Giáo hội, món quà Thân xác được trao ban và Máu đổ ra, như chứng tá tối thượng sự kiện Ngài là Đầu và Mục tử, Đầu tể và Hôn phu của Giáo hội. Do đó, đức ái mục tử của linh mục không chỉ bắt nguồn từ Thánh Thể mà còn khám phá trong cử hành Thánh lễ sự hiện thực cao nhất của nó, như là chính từ Thánh Thể mà ngài đón nhận ân sủng và nghĩa vụ trao ban toàn bộ cuộc đời của ngài."*^[232] Tất cả hoạt động của linh mục giáo phận được hiệp nhất trong Thánh lễ và Thánh Thể trở nên nguyên lý động lực nội tại và nguồn mạch hứng khởi của đức ái mục tử của ngài, nó thống nhất và tạo sự hài hoà, cân bằng cái tôi nội tại và ngoại tại của ngài.^[233]

Linh mục giáo phận không chỉ chăm sóc, nhưng còn đào tạo cộng đoàn tín hữu gắn bó với Giáo hội địa phương cũng như Giáo Hội phổ quát.^[234] Cộng đoàn này được xây dựng trên việc cử hành Thánh Thể, vốn là nền tảng của tinh thần cộng đoàn thực sự, được đánh giá bởi những công việc bác ái và những hình thức khác của chứng tá kitô mà cộng đoàn dẫn thân, bởi nhiệt tâm và hoạt động truyền giáo mà cộng đoàn chứng minh, bởi sự sinh động của đời sống cầu nguyện và thờ phượng của cộng đoàn, bởi cách mà cộng đoàn này dẫn dắt các linh hồn đến với

Chúa Kitô,"[235] và làm cho "con đường của những người chưa có niềm tin đến với Giáo hội trở nên dễ dàng hơn; đồng thời cũng khuyến khích, nâng đỡ và củng cố tín hữu trong những cuộc chiến đấu thiêng liêng của họ."[236]

Một chiều kích không thể thiếu trong sứ vụ tông đồ của linh mục giáo phận là cổ vũ sự đại kết[237] để lời cầu nguyện "xin cho tất cả nên một"[238] của Chúa Kitô có thể được trở nên hiện thực. Linh mục giáo phận luôn cố gắng xây dựng những mối liên hệ thân thiện với các tín hữu Kitô khác, đặt nền tảng trên tình yêu Kitô giáo và tư cách môn đệ chung của Chúa Kitô và theo giáo huấn của Giáo hội. Ngay cả với "những giáo phái cực đoan và không khoan nhượng, thường gây hấn với Công giáo,"[239] linh mục giáo phận cũng cố gắng đề xướng đối thoại và tìm hiểu những quan điểm của họ.

Chúng ta đang sống trong một thế giới đa tôn giáo và đa văn hoá, đối thoại với các tôn giáo khác "là một công việc quan trọng trong việc tông đồ của Giáo hội,"[240] linh mục giáo phận "nên cởi mở và có một kiến thức cân xứng về các tôn giáo khác, nhất là những giá trị chứa đựng "hạt giống Lời Chúa" và "sự chuẩn bị cho Tin Mừng."[241] Tất cả mọi vấn đề liên hệ đến nhân loại như là hoà bình, công bằng, nhân quyền, sinh thái... đều thiết yếu đối với việc loan báo Nước Thiên Chúa và là những vấn đề Giáo hội phải đối thoại với tất cả mọi người thiện chí, bởi vì tất cả mọi người là con cái Thiên Chúa và thuộc về cùng một gia đình nhân loại. Do đó, linh mục giáo phận có bốn phận huân luyện giáo dân của mình tinh thần liên đới và cộng tác với tất cả mọi tôn giáo để xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn dựa trên những giá trị thần linh và nhân bản thực sự.

Nhờ cuộc sống độc thân, linh mục giáo phận hoàn toàn có tự do để yêu thương, quan tâm và chăm sóc mọi người, và là của mọi người, bởi vì mọi người có quyền đòi hỏi linh mục giáo phận không thuộc về riêng một ai cả: "Linh mục được mời gọi bắt chước Chúa Kitô và mang trọn tâm lòng đồng cảm của Ngài đến cho những người ốm đau tật nguyền... Linh mục không giống với Chúa Kitô ở chỗ linh mục không có quyền năng để chữa lành các anh chị em đau yếu, tuy nhiên, linh mục có thể đem lại cho họ sự an ủi về mặt luân lý và tâm linh, nâng đỡ họ trong cơn thử thách và ngay cả có thể giúp họ mau chóng bình phục hơn."[242]

Có thể cha xứ không xóa tan được nỗi thống khổ của người dân, nhưng chính sự hiện diện của cha xứ trong nỗi thống khổ của họ sẽ đem lại cho họ niềm hy vọng và sự chữa lành. Cha xứ không chỉ phục vụ những người bệnh tật và đau khổ, mà ngược lại cha xứ đồng thời cũng nhận được sự nâng đỡ lớn lao từ nơi họ; cha xứ không chỉ hướng dẫn và chăm sóc họ mà còn được họ chăm sóc và hướng dẫn: Sự hy sinh và kiên nhẫn chịu đựng của họ có sức đánh động và là nguồn nghị lực nâng đỡ cha xứ; sứ vụ đối với những người bệnh tật, đau khổ, nghèo túng... có sức khích lệ tinh thần cha xứ, làm cho cha xứ giàu tính người hơn và nên giống Chúa Kitô hơn, nhất là cảm nhận được ý nghĩa cứu độ của những giới hạn và bất lực của mình, như chính lúc Chúa Giêsu bị đóng chặt vào thập giá, không cự quật chi được nữa, là lúc Ngài hoàn tất công trình cứu độ: Khi không còn làm được việc của Chúa, chúng ta mới thực sự có được kinh nghiệm về chính Chúa: *Chúa Là Tất Cả*.

Chú thích

[191] Hiến chế Sacrosantum Concilium số 10: "Phụng vụ là đỉnh cao hướng dẫn hoạt động của Giáo Hội, đồng thời là suối nguồn trào tuôn sức mạnh cho Hội Thánh. Vì thế, mục tiêu và đối tượng của mọi hoạt động tông đồ là tất cả những người được làm con cái Thiên Chúa, nhờ đức tin và qua Bí tích rửa tội, sẽ tuôn đến hợp dâng lời chúc tụng Chúa giữa lòng Giáo Hội, tham dự vào lễ tế hy sinh và ăn bữa Tiệc Ly của Chúa."

[192] x. Bài nói chuyện của Đức Cha Chaput OFM, TGM giáo phận Denver ngày 24.06.2010, tại Học viện Phụng vụ Chicago do Anh Khoa dịch và đăng trên WHĐ ngày 27.07.2010.

[193] Ga 10,36. [194] Cv 8,1.4.

[195] Tông Huấn Verbum Domini, số 105; trích Sứ điệp của Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI cho ngày Thế giới Di dân và Di cư năm 2012 "Di dân và Tân Phúc âm hóa " ban hành tại Rôma

ngày 21/9/2011.

[196] x. Ad Gentes số 2

[197] Mc 16,15: "Anh em hãy đi khắp tứ phương thiên hạ, loan báo Tin Mừng cho mọi loài thọ tạo.

[198] 1 Cr 9,16

[199] Theo ước tính của Quỹ Dân số LHQ (UNFPA) trong www.7billionactions.org

[200] Trích Vài suy nghĩ về Chúa nhật truyền giáo của linh mục William Grimm sống ở Tokyo, chịu trách nhiệm xuất bản của UCA News và là cựu trưởng ban biên tập của tờ tuần báo Công giáo Nhật Bản "Katorikku Shimibun" từ <http://www.ucanews.com/2011/10/20/vai-suy-nghi-ve-chua-nhat-truyen-giao-2011/>

[201] Tính theo tỷ lệ, người Kitô hữu chiếm 33,1% và Công giáo chiếm 17,2% dân số trên toàn thế giới. Nhưng tại châu Á, tỷ lệ dân số Công giáo chỉ là 110 triệu trên tổng số 3,5 tỷ dân, nghĩa là khoảng 2,9%. Tuy nhiên, Giáo Hội tại Châu Á vẫn không ngừng phát triển: Năm 1988, dân số Công giáo tại đây là 84,3 triệu, nay tổng số đã là 110 triệu, tức tăng 25%. Cũng trong thời gian trên, số các linh mục tăng từ 27.700 đến 32.291. Các quốc gia có nhiều chủng sinh nhất là Ấn Độ, Philippines, Hàn Quốc và Việt Nam. Ơn gọi tu sĩ cũng phát triển mạnh tại châu Á.

[202] Mt 28, 19-20.

[203] Trích bài giảng của ĐHY Ivan Dias, đặc sứ của ĐTC Biển Đức tại Lavang ngày 6/1/2011.

[204] x. Zenit.org Rôma này 25/3/2010.

[205] Zenit.org ngày 17/8/2010 <http://www.zenit.org/article-25126?l=french>.

[206] 2 Tm 4,2-4.

[207] Trong các văn kiện của Công Đồng Vaticanô II có 49 lần cụm từ tái Phúc Âm hóa được sử dụng.

[208] 2Cr 5,14; Phil 4:13.

[209] Sứ điệp Truyền giáo 2011 của ĐGH Biển Đức XVI.

[210] Theo ĐHY Stanisław Ryłko, Chủ tịch Hội đồng Tòa Thánh về Giáo dân, trong news.va ngày 2-08-2011.

[211] Sứ điệp Truyền giáo 2012 "Được mời gọi làm rạng ngời Lời chân lý" của ĐTC Biển Đức XVI ở <http://www.fides.org/aree/news/newsdet.php?idnews=32187&lan=fra>

[212] Gr 3,15. [213] Ga 10,11. [214] JP. II, Pastores Dabo Vobis, số 22.

[215] Ibidem. [216] Ga 10,11. [217] Mc 6,34.

[218] Mc 10, 45. [219] Mc 10,14. [220] Ga 11,35.

[221] Mc 6,35. [222] Lc 7,11. [223] Mc 1,41.

[224] Mc 10,46. [225] Mc 5,30. [226] Lc 21,2.

[227] Vat. II, Vui Mừng và Hy Vọng, số 1.

[228] Vat. II, Presbyterorum Ordinis, số 6.

[229] Ibidem; Bộ Truyền Giáo, Hướng Dẫn Mục Vụ, số 16.

[230] Bộ Truyền Giáo, Hướng Dẫn Mục Vụ, số 12.

[231] Bộ Truyền Giáo, Hướng Dẫn Mục Vụ, số 13.

[232] JP II, Pastores Dabo Vobis, số 23.

[233] Ibidem. [234] Vat. II, Presbyterorum Ordinis, số 6.

[235] Ibidem. [236] Ibidem.

[237] Bộ Truyền Giáo, Hướng Dẫn Mục Vụ, số 13.

[238] Ga 17,22.

[239] Bộ Truyền Giáo, Hướng Dẫn Mục Vụ, số 17.

[240] Bộ Truyền Giáo, Hướng Dẫn Mục Vụ, số 18.

[241] Ibidem. [242] JP II, Tiếp kiến chung ngày 14/8/1990.

VỀ MỤC LỤC

VAI TRÒ CỦA DINH DƯỠNG

Từ thế kỷ thứ V trước Công nguyên, danh y Hy Lạp Hippocrates đã chủ trương rằng, để phòng ngừa và điều trị một số bệnh ta chỉ cần áp dụng những chế độ ăn uống cân bằng hợp lý và sống hài hòa với thiên nhiên.

Ngoài việc triều chính, vua Hoàng Đế của Trung Hoa ngày xưa đã biết chỉ dẫn cho dân chúng về bệnh tật cũng như cách sản xuất lương thực và sử dụng những món ăn thức uống có tác dụng trị bệnh và có lợi cho sức khỏe.

Các vị danh y Tuệ Tĩnh, Hải Thượng Lãn Ông của Việt Nam trước đây đều nhấn mạnh vai trò quan trọng của ẩm thực trong việc ngăn ngừa và chữa trị một số bệnh. Hãy nghe lời khuyên như sau của danh y Tuệ Tĩnh: :

"Muốn cho phủ tạng được yên;

Bớt ăn mấy miếng, nhịn thèm hơn đau".

Hoặc:

" Chết vì bội thực cũng nhiều;

Ngờ đâu lại có người nghèo chết no".

Như vậy, có thể nói rằng từ rất xa xưa, các vị danh y trên khắp thế giới hầu như đều đã nhận biết được là vấn đề dinh dưỡng có ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe con người, có thể giúp ta phòng trị bệnh cũng như duy trì được một cuộc sống luôn luôn khỏe mạnh.

Mục đích của Dinh Dưỡng

Dinh dưỡng có ba mục đích chính:

- 1- Tạo điều kiện thuận lợi để cơ thể có sức khỏe tốt;
- 2- Phòng ngừa các bệnh liên quan tới ăn uống;
- 3- Khôi phục sức khỏe sau thời kỳ bệnh tật, thương tích.

Người Anh có câu ngạn ngữ "You are what you eat" (Ăn ra sao thì người thế ấy", cũng là nói lên tầm quan trọng của vấn đề dinh dưỡng.

Thực phẩm ăn vào có ảnh hưởng rất lớn tới sức khỏe trong suốt các giai đoạn khác nhau của đời người. Ăn uống không đúng với tình trạng sinh học thì cơ thể sẽ có hậu quả xấu mà đôi khi chỉ với một vài thay đổi nhỏ về dinh dưỡng cũng cải thiện sức khỏe rất nhiều.

Cứ nhìn người Á Châu trước đây, lấy căn bản thức ăn là gạo, ít calcium, thường đều nhỏ con hơn dân Âu châu ăn lúa mì, nhiều calcium. Quan sát người Việt ta, xưa kia dân miền Bắc, miền Trung dinh dưỡng thiếu hụt nên cơ thể nhỏ hơn so với người sanh trưởng ở miền Nam, gạo lúa dư thừa. Con cháu chúng ta bây giờ ở nước ngoài, dinh dưỡng đầy đủ nhờ đó cháu nào cũng to hơn hơn bố mẹ, ông bà.

Mỗi người cần có một thói quen ăn uống lành mạnh. Nhiều người ý thức được việc đó nhưng ít người thực hiện được. Vì thế, càng tìm hiểu nhiều về lợi hại của dinh dưỡng thì ta càng biết cách ăn uống sao cho thích hợp và có lợi cho sức khỏe.

Các lời khuyên về ăn uống thì nhiều và khác nhau nhưng mục đích đều hướng tới sự bảo vệ sức khỏe. Tuy nhiên cũng có người bối rối, không biết theo lời khuyên nào, cho nên tùy hứng làm theo ý mình. Thế là người ta đã tạo ra một thói quen đôi khi xấu nhiều hơn tốt. Do đó việc tạo ra thói quen tốt trong ăn uống đôi khi cũng không hẳn là dễ dàng.

Thói quen ăn uống cũng thay đổi tùy chủng tộc, văn hóa, khả năng cung cầu, điều kiện tâm lý, nếp sống cá nhân, sự hấp dẫn của món ăn, cách thức mời chào, quảng cáo của giới sản xuất.

Hầu hết các quốc gia đều đưa ra những tiêu chuẩn về dinh dưỡng cho người dân, quy định mức dinh dưỡng tối thiểu để cơ thể tăng trưởng mạnh và phát triển trí óc tốt đồng thời tránh được bệnh tật cũng như kéo dài tuổi thọ. Ngoài ra, còn có các chương trình quốc gia hướng dẫn để người dân biết cách áp dụng những tiêu chuẩn ấy trong việc ăn uống hàng ngày.

Một chế độ dinh dưỡng nhiều về lượng và phẩm cũng chưa đủ để có một sức khỏe tốt nếu không có sự cân đối hợp lý các thành phần dinh dưỡng. Trong cơ thể, các cơ quan luôn luôn hoạt động một cách nhịp nhàng tương ứng, để sử dụng các chất dinh dưỡng khác nhau cho các nhu cầu về năng lượng, kiến tạo cũng như tu bổ các tế bào sau khi bị thương tích, bệnh tật.

Số lượng thực phẩm tiêu thụ còn tùy thuộc các yếu tố xã hội, tâm lý, sinh học của con người. Tâm trạng vui buồn đều có ảnh hưởng tới sự ăn uống và tiêu hóa. Các phản ứng sinh hóa trong cơ thể cũng ảnh hưởng tới sự hấp thụ và chuyển hóa dinh dưỡng.

Tóm lại, chất dinh dưỡng có thể làm ta mập hay gầy, hoạt động nhanh nhẹn hay chậm chạp, sống vui khỏe hay thường xuyên đau ốm... Nghĩa là có rất nhiều ảnh hưởng.

Nhu Cầu.

Một chế độ dinh dưỡng có thể xem là:

a- **Thỏa đáng:** khi cung cấp đủ chất dinh dưỡng cho các hoạt động, chức năng của cơ thể cũng như có dự trữ cho nhu cầu cấp bách.

b- **Không đầy đủ:** khi tiêu thụ ít hơn nhu cầu. Trong trường hợp này, cơ thể sẽ lấy nguyên liệu từ kho dự trữ để nuôi dưỡng và tái tạo tế bào. Kho sẽ vơi dần dần nếu không được bổ sung.

Lấy ví dụ: hồng huyết cầu chỉ sống khoảng 120 ngày, tế bào niêm mạc ống tiêu hóa cần được thay thế mỗi tuần lễ. Cả hai đều cần có nguyên liệu từ chất dinh dưỡng. Nếu chỉ thiếu dinh dưỡng trong thời gian ngắn, kho dự trữ có thể du di, nhưng nếu kéo dài lâu ngày sẽ nảy sinh nhiều bệnh tật.

c- **Quá mức:** khi cung cấp nhiều hơn nhu cầu, sẽ tạo ra tình trạng dư thừa. Chẳng hạn, chất sắt rất cần cho việc tạo huyết cầu tố, nhưng quá nhiều sẽ đưa tới suy gan; năng lượng dư được cơ thể hấp thụ và chuyển sang dự trữ, quá nhiều sẽ gây ra tình trạng béo phì.

Mọi người đều cần những thành phần dinh dưỡng như nhau, bất kể tuổi tác, giới tính, chủng tộc, điều kiện sinh hoạt. Tuy nhiên về số lượng thì mỗi cơ thể đều có nhu cầu khác biệt.

Cơ thể càng to lớn thì nhu cầu càng cao; một người hoạt động nhiều chắc chắn cần nhiều thực phẩm hơn người sống tĩnh tại; khi ngủ nghỉ, nhu cầu năng lượng giảm; khi cơ thể run vì lạnh thì cần thêm năng lượng để khỏi lạnh cóng.

Khẩu phần ăn phải phù hợp với mỗi người, không gây cảm giác ngấy ngất mệt mỏi vì ăn quá no nhưng cũng không ăn quá ít, vì sẽ không cung cấp đủ dinh dưỡng cho hoạt động của cơ thể.

Chế độ dinh dưỡng hợp lý

Lời khuyên chung của các nhà dinh dưỡng và y tế về sự ăn uống là chúng ta nên:

1- Ăn nhiều loại thực phẩm khác nhau, vì mỗi loại có chất dinh dưỡng mà loại khác không có.

Chẳng hạn sữa mẹ được coi như gần hoàn hảo, nhưng lại có ít sắt và sinh tố D.

Sữa bò có nhiều đạm nhưng rất ít sắt và không có chất xơ.

Thịt động vật có vú nhiều đạm nhưng ít calci.

Trứng không có vitamin C và có rất ít calci vì hầu hết nằm ở vỏ trứng.

Như vậy cần có chế độ ăn đa dạng mới cung cấp đủ chất dinh dưỡng.

2- Duy trì trọng lượng cơ thể ở mức trung bình. Để tránh tăng cân quá mức, chỉ nên ăn đủ số năng lượng mà cơ thể cần;

3- Giảm chất béo động vật bão hòa và cholesterol: lượng cholesterol ăn vào mỗi ngày không quá 300mg; chất béo động vật bão hòa không quá 10% tổng số năng lượng được cung cấp mỗi ngày. Nên dùng dầu thực vật với chất béo chưa bão hòa. Mức tiêu thụ chất béo nói chung không nên quá 30% tổng số năng lượng mỗi ngày.

4- Giảm thịt động vật có nhiều mỡ hoặc loại bỏ bớt mỡ khi ăn thịt; ăn nhiều cá. Việc ăn thịt tự nó không có hại cho người khỏe mạnh, nhưng ăn nhiều thịt thường kèm theo nhiều chất béo và cung cấp nhiều năng lượng.

5- Dùng sữa đã gạn bớt chất béo, nhất là ở người tuổi cao.

6- Ăn thêm thực phẩm có chất xơ và tinh bột.

7- Tránh tiêu thụ quá nhiều đường tinh chế. Đường không gây bệnh tiểu đường, bệnh tim như nhiều người lầm tưởng, nhưng vì có nhiều năng lượng cho nên dễ dẫn tới béo phì.

8- Giới hạn muối không quá 2500 mg mỗi ngày.

9- Hạn chế rượu bia. Nếu không thể bỏ hẳn thì không nên quá 350 ml bia hoặc 150 ml rượu vang, hai lần một ngày. Nếu là rượu mạnh thì không quá 50ml.

Hậu quả của chế độ dinh dưỡng sai.

Chế độ dinh dưỡng sai có nguy cơ đưa tới một số bệnh tật. Sai có thể là quá dư, quá thiếu hoặc không cân đối.

Thiếu dinh dưỡng, cơ thể sẽ chậm phát triển, trí nhớ kém, sức đề kháng với bệnh tật giảm, cơ thể suy nhược và đưa tới giảm tuổi thọ.

Dinh dưỡng dư thừa sẽ dẫn đến các bệnh kinh niên, như bệnh tim, ung thư, cao huyết áp, tai biến động mạch não, tiểu đường. Ngoài ra còn có thể mắc phải những bệnh khác như xơ gan, viêm túi ruột hoặc tai nạn, tự tử do tiêu thụ nhiều rượu.

Dinh dưỡng sai mà lại thiếu vận động cơ thể còn đưa tới nhiều ảnh hưởng không tốt khác cho sức khỏe.

Dinh dưỡng không đúng cũng gây ra tổn thương về nhiều phương diện cho các thể hệ sau.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

Texas-Hoa Kỳ

www.bsnguyenyduc.com

CHÚA YÊSU, NHÀ TRUYỀN THÔNG VĨ ĐẠI NHẤT

LTS. Đêm tối càng dày đặc thì đóm lửa càng trở nên hiệu quả và cấp bách. Giữa một rừng truyền thông xảo quyệt thì một tiếng nói trung thực đáng trân trọng biết bao? Xin ghi ơn tất cả những ai đang nỗ lực ngày đêm chấp cánh cho Quê Hương và Giáo Hội Công Giáo Việt Nam bay lên.

Nguồn: <http://www.chuacuuthe.com/archives/34931>

VRNs (25.07.2012) – Sài Gòn – Cũng như các khoá Kỹ năng Truyền Thông Công Giáo trước đây, sáng thứ hai ngày 23.07.2012, cha An Thanh trình bày bài học đầu tiên với chủ đề “Tầm nhìn Truyền Thông Công Giáo Việt Nam”.

Đây là khoá Kỹ năng Truyền Thông Công Giáo khoá VII (tính cả 2 khoá online) do Dòng Chúa Cứu Thế tổ chức, với số học viên là 35 người.

Sau khi trình bày những chặng đường phát triển của truyền thông **từ nguyên sơ đến hiện đại cũng như sức mạnh đa chiều của truyền thông**, cha An Thanh nói đến Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo về truyền thông: Nguyên lý truyền thông và nguyên tắc truyền thông với các điểm chính:

Vinh quang của Thiên Chúa cốt tại việc biểu lộ và truyền thông sự tốt lành của Thiên Chúa (GLCG 294). Truyền thông điều thiện hảo nhờ Đức Yêsu Kitô (GLCG 947).

Truyền thông phải quân bình chính đáng giữa công ích và quyền lợi cá nhân (GLCG 2492). Xã hội có quyền biết những thông tin dựa trên sự thật, tự do, công bằng và tình liên đới (GLCG 2494). Mọi người phải dùng truyền thông để truyền bá những gì lành mạnh (GLCG 2495). Tổ giáo các nhà nước độc tài, xuyên tạc sự thật có hệ thống, thống trị dư luận bằng truyền thông, kết án với lý do “trọng tội về tư tưởng” (GLCG 2499).

Các tham dự viên với đủ lứa tuổi. Cao niên nhất 60, trẻ nhất 19. Trong khoá này có ít nhất 3 người đã tốt nghiệp cử nhân báo chí chính quy, 8 nữ tu các dòng Nữ tử Chúa Yêsu linh mục, Mến Thánh Giá Quy Nhơn và Nha Trang, Đa Minh Rosa Lima.

Làm việc nhóm mỗi ngày là điều quan trọng của khoá huấn luyện kỹ năng truyền thông Công giáo

Các học viên thích thú theo dõi bài học, dù có người đã làm báo chuyên nghiệp. Bài học được trình bày hệ thống, nhẹ nhàng và dí dỏm giúp học viên hiểu và nhớ dễ dàng. Đặc biệt, những điểm giáo lý về truyền thông quả là tiếng chuông đánh động nhiều người, vì dường như sách Giáo Lý Hội Thánh chưa được chú ý nghiên cứu, học hỏi, nhất là phần truyền thông.

Lệnh truyền của Chúa Yêsu ngày Người về Trời vẫn thôi thúc mời gọi mọi Kitô hữu, và đặc biệt những ai muốn dẫn thân vào lãnh vực truyền thông Công giáo.

Bài học đầu tiên của khoá học không chỉ là trình bày kiến thức, mà còn là lời nhắc nhở và khích lệ dành cho tất cả chúng ta, những người muốn lắng nghe, tuân giữ và loan truyền Lời chân lý.

Chúa Yêsu là nhà truyền thông vĩ đại nhất của lịch sử, vì chính Người là Lời Thiên Chúa đồng thời là đối tượng của lời rao giảng. Làm truyền thông với Người vừa an tâm vì được nâng đỡ, vừa bình an vì được cộng tác với Người loan Tin Vui.

Xin Chúa và Mẹ Hằng Cứu Giúp chúc lành cho khoá học của chúng con, để chúng con nghe, nhớ và thực hành điều Chúa muốn nơi chúng con.

Gioan Lê Quang Vinh, VRNs

VỀ MỤC LỤC

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ

giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA

Duoc chon giua loai nguoi va cho loai nguoi; C
